

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 2 năm học 2021-2022 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080117	Âm nhạc trong kịch - điện ảnh	CLM2083	2	105														
01	1080117	CLM2083-2021.01			35	Trần Vĩnh Khương		1-5, NA401						20/12/2021		K6 DVK		K6 DVK	2020
02	1080117	CLM2083-2021.02			35	Ng.Thuý Hường			1-5, NA401					10/01/2022		K7DVK		K6 DVK	2021
03	1080117	CLM2083-2021.03			35	Trần Vĩnh Khương			7-11, NA401					10/01/2022		K7DVK		K7A DVK	2021
	1140032	Bệnh trẻ em	PPE2013	2	10												2*		
01	1140032	PPE2013-2021.01			10	Nguyễn Quỳnh Trang			1-5, C21					20/12/2021	27/02/2022				2019
	1060045	Bổ cục chất liệu Khắc gỗ	FAE2008	2													4*FAE2008		
04	1060045	FAE2008-2021.04			0	Nguyễn Quang Huy						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
05	1060045	FAE2008-2021.05			0	Nguyễn Tú Anh						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
06	1060045	FAE2008-2021.06			0	Lưu Thị Hồng Diễm						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
07	1060045	FAE2008-2021.07			0	Nguyễn Thị May						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT					K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
12	1060045	FAE2008-2021.12			0	Nguyễn Thị May						1-5, LTK12_NT	1-5, LTK12_NT						2020
13	1060045	FAE2008-2021.13			0	Lưu Thị Hồng Diễm						1-5, LTK12_NT	1-5, LTK12_NT						2020
14	1060045	FAE2008-2021.14			0	Nguyễn Quang Huy						1-5, LTK12_NT	1-5, LTK12_NT						2020
15	1060045	FAE2008-2021.15			0	Nguyễn Tuấn Cường						1-5, LTK12_NT	1-5, LTK12_NT						2020
	1060044	Bổ cục chất liệu lụa 1	FAE2007	2	39												4*FAE2007		
05	1060044	FAE2007-2021.05			13	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					28/03/2022	22/05/2022	K15 MT K7 HH		K13 SPMT	2020
06	1060044	FAE2007-2021.06			13	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					28/03/2022	22/05/2022	K15 MT K7 HH		K13 SPMT	2020
07	1060044	FAE2007-2021.07			13	Nguyễn Thị Huyền	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					28/03/2022	22/05/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
	1060072	Bổ cục chất liệu Sơn dầu 2	FAE2024	3	5												5*FAE2024		
01	1060072	FAE2024-2021.01			5	Chu Hoàng Trung				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/12/2021	27/03/2022	K5 HH		K5 HH	2018
	1060046	Bổ cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2	39												4* FAE2009		
01	1060046	FAE2009-2021.01			13	Vũ Thị Kim Vân	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/02/2022	K14 SPMT K6HH		K13 SPMT	2019
02	1060046	FAE2009-2021.02			13	Chu Hoàng Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/02/2022			K13 SPMT	2019
03	1060046	FAE2009-2021.03			13	Tạ Đình Thi	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/02/2022			K14 SPMT	2019
	1060083	Bổ cục chất liệu Sơn mài 2	FAE2026	3	5												5*FAE2026		
01	1060083	FAE2026-2021.01			5	Vũ Thị Kim Vân	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/03/2022	K5 HH		K5 HH	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1080030	Các tộc người ở Việt Nam	CLM2031	2	50												6_QLVH_M4		
01	1080030	CLM2031-2021.01			50	Bùi Hồng Hạnh				7-11, E503				20/12/2021	27/03/2022			K11 QLVH	2019
	1080254	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	CLM2233	2	25												CTXH		
01	1080254	CLM2233-2021.01			25	Phạm Thanh Bình					1-5, E305			20/12/2021	10/04/2022			K1 CTXH	2020
	1200022	Chế tác phụ trang	DGI2022	2	20														
01	1200022	DGI2022-2021.01			20	Lê Thị Lan			1-5, E					27/12/2021	06/03/2022			K3 CNM	2019
	1070107	Chỉ huy hợp xướng	*MUS2075	2													2017		
01	1070107	*MUS2075-2021.01			0	Phạm Hoàng Trung	7-11, E306							20/12/2021				K14A SPAN	2019
02	1070107	*MUS2075-2021.02			0	Lê Vinh Hung		7-11, D3						20/12/2021				K13A SPAN	2019
03	1070107	*MUS2075-2021.03			0	Vũ Thị Thùy Linh			7-11, D1					20/12/2021				K12A_SPAN	2019
04	1070107	*MUS2075-2021.04			0	Vũ Thị Thùy Linh					1-5, D405			20/12/2021				K13A SPAN	2019
05	1070107	*MUS2075-2021.05			0	Phạm Hoàng Trung	7-11, E306							20/12/2021				K12D_SPAN	2019
06	1070107	*MUS2075-2021.06			0	Vũ Thị Thùy Linh					1-5, D405			20/12/2021				K11D_SPAN	2019
	1080017	Chính sách pháp luật về VHNT Việt Nam	CLM2014	2	100												1_QLVH_M3_TC		
01	1080017	CLM2014-2021.01			50	Nguyễn Hữu Thức				1-5, E501				10/01/2022	17/04/2022			K12 QLVH	2021
02	1080017	CLM2014-2021.02			50	Nguyễn Hữu Thức					1-5, E506			10/01/2022	17/04/2022			K12 QLVH	2021
	1100096	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	VMU2016	14	30												2017		
01	1100096	VMU2016-2021.01			30								1-5, HPTN						2018
	1190036	Chương trình biểu diễn tốt nghiệp	PIA2022	14	20												2017		
01	1190036	PIA2022-2021.01			20								1-5, HPTN						2018
	1080050	Chương trình Thực hành biểu diễn nghệ thuật (Tốt nghiệp)	CLM2052	5	50												8_QLVH_M5		
01	1080050	CLM2052-2021.01			50								1-2, HPTN						2018
	1190040	Chuyên đề	PIA2027	3	30												2020		
01	1190040	PIA2027-2021.01			30	Trần Vương Thanh					10-12, D			20/12/2021				K6 Piano	2020
	1190030	Chuyên đề 2	PIA2020	2	30														
01	1190030	PIA2020-2021.01			30	Trần Vương Thanh					7-9, D305			20/12/2021	13/03/2022			K5 Piano	2019
	1070110	Chuyển soạn cho Hợp xướng	MUS2074	2	130												2018		
05	1070110	MUS2074-2021.05			26	Phạm Xuân Danh	1-5, D2							20/12/2021	13/03/2022			K13C SPAN	2019
06	1070110	MUS2074-2021.06			26	Lê Vinh Hung			7-11, D2					20/12/2021	13/03/2022			K14A SPAN	2019
07	1070110	MUS2074-2021.07			26	Phạm Xuân Danh				1-5, D2				20/12/2021	13/03/2022			K14A SPAN	2019
08	1070110	MUS2074-2021.08			26	Lê Vinh Hung				7-11, D2				20/12/2021	13/03/2022			K14A SPAN	2019
09	1070110	MUS2074-2021.09			26	Phạm Hoàng Trung					7-11, DNN			20/12/2021	13/03/2022			K14A SPAN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1170005	Cơ sở tạo hình mặt phẳng	GRD2004	2	200												Cơ sở tạo hình 1		
01	1170005	GRD2004-2021.01			50	Nguyễn Thành Sơn	1-5, E603							10/01/2022	03/04/2022			K11 C TKDH	2021
02	1170005	GRD2004-2021.02			50	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E603					10/01/2022	03/04/2022			K10C TKĐH	2021
03	1170005	GRD2004-2021.03			50	Nguyễn Hữu Dũng				1-5, E603				10/01/2022	03/04/2022			K11 C TKDH	2021
04	1170005	GRD2004-2021.04			50	Nguyễn Hữu Dũng					1-5, E603			10/01/2022	03/04/2022			K10B TKĐH	2021
	1020024	Cơ sở thiết kế trang phục	FAD2015	2	45														
01	1020024	FAD2015-2021.01			15	Lưu Ngọc Lan				7-11, E				27/12/2021	06/03/2022			K12 TKTT	2019
02	1020024	FAD2015-2021.02			15	Đỗ Thu Huyền				7-11, E				27/12/2021	06/03/2022			K13 TKTT	2019
03	1020024	FAD2015-2021.03			15	Nguyễn Huyền Trang				7-11, E				27/12/2021	06/03/2022			K12 TKTT	2019
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	505												Dung chung		
03	1080001	CLM2001-2021.03			50	Nguyễn Thị Thanh Loan			7-11, E501					10/01/2022		Khoa 2021 + 2019		K1 Du lịch	2021
04	1080001	CLM2001-2021.04			50	Tráng Thị Thuý					7-11, E502			10/01/2022		Khoa 2021 + 2019		K7A DVK	2021
05	1080001	CLM2001-2021.05			40	Vũ Thị Thái Hoa		7-11, E501						20/12/2021	10/04/2022			K14_TKTT	2021
06	1080001	CLM2001-2021.06			45	Nông Thị Thanh Thuý		1-5, E501						10/01/2022		Khoa 2021 + 2019		K15 QLVH	2021
07	1080001	CLM2001-2021.07			40	Tráng Thị Thuý		7-11, E503						20/12/2021	10/04/2022			K14A SPAN	2021
08	1080001	CLM2001-2021.08			40	Đào Thị Thùy Tiên				7-11, E506				20/12/2021	10/04/2022			K15_SPMT	2021
09	1080001	CLM2001-2021.09			40	Lý Minh Huệ	7-11, E501							20/12/2021	10/04/2022			K14_TKTT	2021
10	1080001	CLM2001-2021.10			40	Nông Thị Thanh Thuý			1-5, E101					20/12/2021	10/04/2022			K14_TKTT	2021
11	1080001	CLM2001-2021.11			40	Nguyễn Hữu Thức	1-5, E501							20/12/2021	10/04/2022			K14_TKTT	2021
12	1080001	CLM2001-2021.12			40	Vũ Thị Thái Hoa			7-11, E502					20/12/2021	10/04/2022			K15_SPMT	2021
13	1080001	CLM2001-2021.13			40	Bùi Hồng Hạnh	7-11, E502							20/12/2021	10/04/2022			K14_TKTT	2021
14	1080001	CLM2001-2021.14			40	Nguyễn Thị Thanh Loan					1-5, E502			20/12/2021	10/04/2022			K13 TKTT	2021
	1020017	Công nghệ may 1	FAD2009	2	120														
01	1020017	FAD2009-2021.01			40	Ngô Thị Thùy Thu				1-5, E				10/01/2022	06/03/2022			K1_CNM	2021
02	1020017	FAD2009-2021.02			40	Ngô Thị Thùy Thu					1-5, E			10/01/2022	06/03/2022			K15A_TKTT	2021
03	1020017	FAD2009-2021.03			40	Ngô Thị Thùy Thu						1-5, E		10/01/2022	06/03/2022			K15A_TKTT	2021
	1200023	Công nghệ may 3	DGI2023	2	20														
01	1200023	DGI2023-2021.01			20	Nguyễn Kiều Oanh	7-11, E							27/12/2021	20/02/2022			K3 CNM	2020
	1080234	Công tác xã hội cá nhân	CLM2213	3	25												CTXH		
01	1080234	CLM2213-2021.01			25	Lương Thị Đào			1-5, E501					20/12/2021	10/04/2022			K1 CTXH	2020
	1100087	Dân ca	VMU2001	2	350												VMU2001		
04	1100087	VMU2001-2021.04			25	Ngân Thị Thương	1-5, D305							21/02/2022	17/04/2022			K15B_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1100087	VMU2001-2021.05			25	Dương Thị Mai	1-5, D305							21/02/2022	17/04/2022			K15B_SPAN	2021
06	1100087	VMU2001-2021.06			25	Đặng Thị Lan		1-5, D305						21/02/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
07	1100087	VMU2001-2021.07			25	Đặng Thị Lan		7-11, D305						21/02/2022	17/04/2022			K15A_SPAN	2021
08	1100087	VMU2001-2021.08			25	Đặng Thị Lan			1-5, D305					14/02/2022	17/04/2022			K8 TN	2021
09	1100087	VMU2001-2021.09			25	Đặng Thị Lan			7-11, D305					14/02/2022	17/04/2022			K15B_SPAN	2021
10	1100087	VMU2001-2021.10			25	Đặng Thị Lan				1-5, D305				14/02/2022	17/04/2022			K15F_SPAN	2021
11	1100087	VMU2001-2021.11			25	Đào Thị Khánh Chi				1-5, D305				14/02/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
12	1100087	VMU2001-2021.12			25	Trần Thị Thảo					1-5, D305			14/02/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
13	1100087	VMU2001-2021.13			25	Vũ Thị Tươi					1-5, D305			14/02/2022	17/04/2022			K16B_SPAN	2021
14	1100087	VMU2001-2021.14			25	Bùi Thanh Tuyền			7-11, D305					14/02/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
15	1100087	VMU2001-2021.15			25	Dương Thị Mai						7-11, D305		14/02/2022	17/04/2022			K15B_SPAN	2021
16	1100087	VMU2001-2021.16			25	Đào Thị Khánh Chi						7-11, D305		14/02/2022	17/04/2022			K15B_SPAN	2021
17	1100087	VMU2001-2021.17			25	Bùi Thanh Tuyền					1-5, D305			14/02/2022	17/04/2022			K8 TN	2021
	1070131	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	*MUS2061	3															
01	1070131	*MUS2061-2021.01			0	Phạm Hoàng Trung					1-5, C301 ghep							K11D_SPAN	2017
	1070111	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	MUS2067	2	50												2018		
07	1070111	MUS2067-2021.07			0	Lê Vinh Hưng	7-11, C301							03/01/2022				K13D SPAN	2018
08	1070111	MUS2067-2021.08			0	Phạm Xuân Danh		1-5, C301						03/01/2022				K13A SPAN	2018
09	1070111	MUS2067-2021.09			0	Phạm Hoàng Trung			1-5, C301					03/01/2022				K13A SPAN	2018
10	1070111	MUS2067-2021.10			0	Lê Vinh Hưng					7-11, C301			03/01/2022				K13B SPAN	2018
11	1070111	MUS2067-2021.11			0	Phạm Xuân Danh				7-11, C301				03/01/2022				K13A SPAN	2018
12	1070111	MUS2067-2021.12			0	Phạm Hoàng Trung					1-5, C301			03/01/2022				K13A SPAN	2018
13	1070111	MUS2067-2021.13			25	Lê Vinh Hưng						1-5, DNN							2020
14	1070111	MUS2067-2021.14			25	Lê Vinh Hưng						7-11, DNN							2020
	1190010	Đệm thanh nhạc 1.2	PIA2007	1															
03	1190010	PIA2007-2021.03			0	Lại Thị Phương Thảo					3-4, D							K7 Piano	2021
04	1190010	PIA2007-2021.04			0	Lê Hải Thuận		9-10, D										K7 Piano	2021
05	1190010	PIA2007-2021.05			0	Trần Quốc Thùy					9-10, D							K7 Piano	2021
06	1190010	PIA2007-2021.06			0	Bùi Duy Anh			9-10, D									K7 Piano	2021
07	1190010	PIA2007-2021.07			0	Trần Duy			9-10, D									K7 Piano	2021
08	1190010	PIA2007-2021.08			0	Trần Quốc Thùy						3-4, D						K7 Piano	2021
	1190011	Đệm thanh nhạc 2.1	PIA2008	1	1														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
07	1190011	PIA2008-2021.07			1	Trần Quốc Thùy				7-8, D				20/12/2021				K5 Piano	2019
	1190012	Đệm thanh nhạc 2.2	PIA2008	1															
01	1190012	PIA2008-2021.01			0	Lương Đức Giang						5-6, D		20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
02	1190012	PIA2008-2021.02			0	Lại Thị Phương Thảo				11-12, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
03	1190012	PIA2008-2021.03			0	Lê Hải Thuận				11-12, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
04	1190012	PIA2008-2021.04			0	Trần Quốc Thùy						5-6, D		20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
05	1190012	PIA2008-2021.05			0	Trần Duy	11-12, D							20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
06	1190012	PIA2008-2021.06			0	Bùi Duy Anh				11-12, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
	1190013	Đệm thanh nhạc 3.1	PIA2009	1	1														
08	1190013	PIA2009-2021.08			1	Lê Hải Thuận		1-2, D						20/12/2021				K5 Piano	2019
	1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1															
03	1190014	PIA2009-2021.03			0	Đặng Thái Sơn		2-6, D						20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
04	1190014	PIA2009-2021.04			0	Lương Đức Giang					2-6, D			20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
05	1190014	PIA2009-2021.05			0	Trần Quốc Thùy		2-6, D						20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
06	1190014	PIA2009-2021.06			0	Lê Hải Thuận		2-6, D						20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
07	1190014	PIA2009-2021.07			0	Bùi Duy Anh				10-11, D				20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2019
	1190015	Đệm thanh nhạc 4.1	PIA2010	1	2														
05	1190015	PIA2010-2021.05			1	Bùi Duy Anh			10-11, D					20/12/2021				K3 Piano	2019
06	1190015	PIA2010-2021.06			1	Bùi Đăng Khánh					10-11, D			20/12/2021				K2 _Piano	2019
	1190016	Đệm thanh nhạc 4.2	PIA2010	1	3														
01	1190016	PIA2010-2021.01			0	Lê Hải Thuận				4-5, D				20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2018
02	1190016	PIA2010-2021.02			0	Đặng Thái Sơn				4-5, D				20/12/2021	17/04/2022			K4 Piano	2018
03	1190016	PIA2010-2021.03			0	Vũ Thanh Xuân			9-10, D					20/12/2021	17/04/2022			K4 Piano	2018
04	1190016	PIA2010-2021.04			0	Lại Thị Phương Thảo				9-10, D				20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2018
05	1190016	PIA2010-2021.05			1	Bùi Duy Anh			10-11, D					20/12/2021				K1 _Piano	2019
06	1190016	PIA2010-2021.06			1	Lại Thị Phương Thảo				10-11, D				20/12/2021				K2 _Piano	2019
07	1190016	PIA2010-2021.07			1	Trần Quốc Thùy						4-5, D		20/12/2021				K2 _Piano	2018
	1080189	Di sản văn hóa Việt Nam	CLM2113	2	70												DL		
01	1080189	CLM2113-2021.01			70	Nguyễn Hữu Thức						1-5, E501		10/01/2022	17/04/2022			K1 Du lịch	2021
	1080181	Địa lý du lịch	CLM2105	3	70												DL		
01	1080181	CLM2105-2021.01			70	Nguyễn Thị Phương Thảo		1-5, E306						10/01/2022	17/04/2022			K2 Du lịch	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1060073	Điều khắc	FAE2054	2	42														
01	1060073	FAE2054-2021.01			14	Phan Văn Hùng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					28/03/2022	22/05/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
02	1060073	FAE2054-2021.02			14	Nguyễn Thị Giang	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					28/03/2022	22/05/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
03	1060073	FAE2054-2021.03			14	Phan Văn Hùng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					28/03/2022	22/05/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
	1140029	Đinh dưỡng trẻ em	PPE2020	2	10												2*		
01	1140029	PPE2020-2021.01			10	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		7-11, E101						20/12/2021	27/02/2022	S sang chieu SV moi DK dc		K5 SPAN MN	2019
	1200034	Đồ án thiết kế	DGI2034	3	20														
01	1200034	DGI2034-2021.01			20	Trần Việt Hùng				7-11, E				27/12/2021	20/03/2022			K3 CNM	2019
	1020008	Đồ án tốt nghiệp	FAD2046	8															
01	1020008	FAD2046-2021.01			0	Hoàng Thị Oanh							7-11, TTN					K12 TKTT	2018
02	1020008	FAD2046-2021.02			0	Lưu Ngọc Lan							7-11, TTN					K11B_ TKTT	2018
03	1020008	FAD2046-2021.03			0	Ng. Thị Bích Liên							7-11, TTN					K11B_ TKTT	2018
04	1020008	FAD2046-2021.04			0	Lê Phương Anh							7-11, TTN					K11B_ TKTT	2018
05	1020008	FAD2046-2021.05			0	Vũ Mai Hiền							7-11, TTN					K11A_ TKTT	2018
06	1020008	FAD2046-2021.06			0	Lê Nguyễn Kiều Trang							7-11, TTN					K11A_ TKTT	2018
07	1020008	FAD2046-2021.07			0	Đỗ Thu Huyền							7-11, TTN					K11A_ TKTT	2018
08	1020008	FAD2046-2021.08			0	Nguyễn Huyền Trang							7-11, TTN					K11B_ TKTT	2018
09	1020008	FAD2046-2021.09			0	Ngô Thị Thùy Thu							7-11, TTN					K11A_ TKTT	2018
	1020053	Đồ án tốt nghiệp	DGI2047	8															
01	1020053	DGI2047-2021.01			0	Ngô Thị Thùy Thu							7-11, TTN					K2 CNM	2018
	1170049	Đồ án tốt nghiệp	*GRD2042	20													10_TKDH_M5		
01	1170049	*GRD2042-2021.01			0	Phạm Hùng Cường							1-5, DATN					K8A_TKĐH	2017
02	1170049	*GRD2042-2021.02			0	Ng.Duy Quốc Tuấn							1-5, DATN					K6C_TKĐH	2017
03	1170049	*GRD2042-2021.03			0	Nguyễn Đức Lân							1-5, DATN					K8C_TKĐH	2017
04	1170049	*GRD2042-2021.04			0	Nguyễn Văn Hiến							1-5, DATN					K6B_TKĐH	2017
05	1170049	*GRD2042-2021.05			0	Nguyễn Quang Huy							1-5, DATN					K7C_TKĐH	2017
06	1170049	*GRD2042-2021.06			0	Nguyễn Xuân Tám							1-5, DATN					K8A_TKĐH	2017
07	1170049	*GRD2042-2021.07			0	Lò Mai Trang							1-5, DATN					K9A_TKĐH	2017
08	1170049	*GRD2042-2021.08			0	Nguyễn Hải Kiên							1-5, DATN					K7C_TKĐH	2017
09	1170049	*GRD2042-2021.09			0	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, DATN					K9B_TKĐH	2017
10	1170049	*GRD2042-2021.10			0	Nguyễn Duy Hùng							1-5, DATN					K9A_TKĐH	2017
11	1170049	*GRD2042-2021.11			0	Phạm Phương Linh							1-5, DATN					K8A_TKĐH	2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
12	1170049	*GRD2042-2021.12			0	Lê Huy Thục							1-5, DATN					K8A_TKĐH	2017
13	1170049	*GRD2042-2021.13			0	Vũ Minh Hoàng							1-5, DATN					K8A_TKĐH	2017
14	1170049	*GRD2042-2021.14			0	Vũ Xuân Hiền							1-5, DATN					K9A_TKĐH	2017
15	1170049	*GRD2042-2021.15			0	Nguyễn Thành Sơn							1-5, DATN					K9A_TKĐH	2017
16	1170049	*GRD2042-2021.16			0	Nguyễn Thị Hải Yến							1-5, DATN					K7A_TKĐH	2017
17	1170049	*GRD2042-2021.17			0	Nguyễn Hồng Sơn							1-5, DATN					K9A_TKĐH	2017
18	1170049	*GRD2042-2021.18			0	Nguyễn Trần Thế Hiệp							1-5, DATN					K9A_TKĐH	2017
	1200014	Đồ họa công nghệ may	DGI2014	2	20														
01	1200014	DGI2014-2021.01			20	Bùi Thị Nam			7-11, E					27/12/2021	20/03/2022			K4_CNM	2020
	1020001	Đồ họa thời trang 3	FAD2033	3	45														
01	1020001	FAD2033-2021.01			15	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, E							27/12/2021	10/04/2022			K12 TKTT	2019
02	1020001	FAD2033-2021.02			15	Hoàng Thắng	7-11, E							27/12/2021	10/04/2022			K13 TKTT	2019
03	1020001	FAD2033-2021.03			15	Nguyễn Hải Hà	7-11, E							27/12/2021	10/04/2022			K12 TKTT	2019
	1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	605												2* Tam_ly giao duc		
02	1140007	PPE2002-2021.02			55	Nguyễn Thị Duyên		1-5, E506						10/01/2022	01/05/2022			K16A_SPMT	2021
03	1140007	PPE2002-2021.03			55	Nguyễn Thị Duyên			1-5, E405					10/01/2022	01/05/2022			K16B_SPMT	2021
04	1140007	PPE2002-2021.04			55	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E101				10/01/2022	01/05/2022				2021
05	1140007	PPE2002-2021.05			55	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1-5, E305							10/01/2022	01/05/2022			K8 TN	2021
06	1140007	PPE2002-2021.06			55	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E507				10/01/2022	01/05/2022			K8 TN	2021
07	1140007	PPE2002-2021.07			55	Nguyễn Thị Tuyết Nhung					1-5, E101			10/01/2022	01/05/2022			K14 SPMT	2021
08	1140007	PPE2002-2021.08			55	Đỗ Ánh Tuyết	7-11, E301							10/01/2022	01/05/2022			K15G_SPAN	2021
09	1140007	PPE2002-2021.09			55	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				7-11, E306				10/01/2022	01/05/2022			K16A_SPMT	2021
10	1140007	PPE2002-2021.10			55	Đỗ Ánh Tuyết		7-11, E301						10/01/2022	01/05/2022			K15B_SPAN	2021
11	1140007	PPE2002-2021.11			55	Nguyễn Thị Duyên						1-5, E101		10/01/2022	01/05/2022			K12 SPMT	2021
12	1140007	PPE2002-2021.12			55	Phạm Thanh Bình						7-11, E101		10/01/2022	01/05/2022			K15_SPMT	2021
	1140043	Giáo dục thể chất 2	PPE2011	3	980														
01	1140043	PPE2011-2021.01			35	Phạm Minh Tuấn				7-11, Cau long				10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
02	1140043	PPE2011-2021.02			35	Phạm Minh Tuấn					1-5, Cau long			10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
03	1140043	PPE2011-2021.03			35	Phạm Minh Tuấn					7-11, Cau long			10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
04	1140043	PPE2011-2021.04			35	Phạm Minh Tuấn						1-5, Cau long		10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
05	1140043	PPE2011-2021.05			35	Phạm Minh Tuấn						7-11, Cau long		10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
06	1140043	PPE2011-2021.06			35	Bùi Thị Ánh Tuyết	1-5, Cau long							10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
07	1140043	PPE2011-2021.07			35	Bùi Thị Ánh Tuyết	7-11, Cau long							10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
08	1140043	PPE2011-2021.08			35	Bùi Thị Ánh Tuyết				1-5, Cau long				10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
09	1140043	PPE2011-2021.09			35	Bùi Thị Ánh Tuyết				7-11, Cau long				10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
10	1140043	PPE2011-2021.10			35	Bùi Thị Huyền	7-11, Cau long							10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
11	1140043	PPE2011-2021.11			35	Bùi Thị Huyền		7-11, Cau long						10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
12	1140043	PPE2011-2021.12			35	Bùi Thị Huyền				7-11, Cau long				10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
13	1140043	PPE2011-2021.13			35	Bùi Thị Huyền					7-11, Khiêu vũ			10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
14	1140043	PPE2011-2021.14			35	Nguyễn Minh Trâm		1-5, Khiêu vũ						10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021
15	1140043	PPE2011-2021.15			35	Nguyễn Minh Trâm			1-5, Khiêu vũ					10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021
16	1140043	PPE2011-2021.16			35	Nguyễn Minh Trâm			7-11, Khiêu vũ					10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021
17	1140043	PPE2011-2021.17			35	Nguyễn Minh Trâm				1-5, Khiêu vũ				10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021
18	1140043	PPE2011-2021.18			35	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, Võ thuật							10/01/2022	08/05/2022			K5_CNM	2021
19	1140043	PPE2011-2021.19			35	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, Võ thuật							10/01/2022	08/05/2022			K16B_SPMT	2021
20	1140043	PPE2011-2021.20			35	Phạm Thị Huyền Trang				1-5, Võ thuật				10/01/2022	08/05/2022			K16B_SPMT	2021
21	1140043	PPE2011-2021.21			35	Phạm Thị Huyền Trang				7-11, Võ thuật				10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
22	1140043	PPE2011-2021.22			35	Lê Việt Hùng		1-5, Cau long						10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021
23	1140043	PPE2011-2021.23			35	Lê Việt Hùng		7-11, Cau long						10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
24	1140043	PPE2011-2021.24			35	Lê Việt Hùng			1-5, Cau long					10/01/2022	08/05/2022			K15B_TKTT	2021
25	1140043	PPE2011-2021.25			35	Lê Việt Hùng			7-11, Cau long					10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
26	1140043	PPE2011-2021.26			35	Lê Việt Hùng					1-5, Vo			10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
27	1140043	PPE2011-2021.27			35	Lê Việt Hùng					7-11, Vo			10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
28	1140043	PPE2011-2021.28			35	Lê Việt Hùng						1-5, Vo		10/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
	1140003	Giáo dục thể chất 2	PPE2011	0	60												2*2_mon_chung_M1		
01	1140003	PPE2011-2021.01			15	Phạm Minh Tuấn				7-11, Cau long				10/01/2022	08/05/2022			K14_TKTT	2021
02	1140003	PPE2011-2021.02			15	Phạm Minh Tuấn					1-5, Cau long			10/01/2022	08/05/2022			K12 SPMT	2021
03	1140003	PPE2011-2021.03			15	Phạm Minh Tuấn					7-11, Cau long			10/01/2022	08/05/2022			K12 TKTT	2021
04	1140003	PPE2011-2021.04			15	Phạm Minh Tuấn						1-5, Cau long		10/01/2022	08/05/2022			K12 TKTT	2021
	1080223	Giới và Phát triển	CLM2203	2	30												CTXH		
01	1080223	CLM2203-2021.01			30	Lương Thị Đào						1-5, E502		10/01/2022	17/04/2022			K2 CTXH	2021
	1070072	Hát hợp xướng	*MUS2027	3													MUS2027		
01	1070072	*MUS2027-2021.01			0	Vũ Thị Thùy Linh				1-5, D3GhepHX				20/12/2021				K12D_SPAN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1070014	Hát hợp xướng A	MUS2027*	0	1												3*4* MUS2027		
03	1070014	MUS2027*-2021.03			1	Phạm Xuân Danh	7-11, DGhepHX							10/01/2022				K5B_TN	2017
	1020040	Hình họa 2	FAD2051	2	72														
01	1020040	FAD2051-2021.01			0	Nguyễn Minh Thùy	1-5, A	1-5, A	1-5, A					10/01/2022	24/04/2022			K12 TKTT	2021
02	1020040	FAD2051-2021.02			0	Ngô Văn Sơn	1-5, A	1-5, A	1-5, A					10/01/2022	24/04/2022			K15A_TKTT	2021
03	1020040	FAD2051-2021.03			0	Phạm Viết Minh Tri	1-5, A	1-5, A	1-5, A					10/01/2022	24/04/2022			K15A_TKTT	2021
04	1020040	FAD2051-2021.04			0	Lê Mai Trinh	1-5, A	1-5, A	1-5, A					10/01/2022	24/04/2022			K15A_TKTT	2021
05	1020040	FAD2051-2021.05			18	Nguyễn Minh Thùy				7-11, A	7-11, A	7-11, A		10/01/2022	24/04/2022			K14_TKTT	2021
06	1020040	FAD2051-2021.06			18	Phạm Viết Minh Tri				7-11, A	7-11, A	7-11, A		10/01/2022	24/04/2022			K14_TKTT	2021
07	1020040	FAD2051-2021.07			18	Ngô Văn Sơn				7-11, A	7-11, A	7-11, A		10/01/2022	24/04/2022			K15B_TKTT	2021
08	1020040	FAD2051-2021.08			18	Lê Thị Lan				7-11, A	7-11, A	7-11, A		10/01/2022	24/04/2022	CNM ko hoc cach tuan		K14_TKTT	2021
	1170054	Hình họa 2	GRD2049	2	156														
01	1170054	GRD2049-2021.01			12	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-8, C	7-8, C	7-8, C					10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
02	1170054	GRD2049-2021.02			12	Nguyễn Thị Mỹ	7-8, C	7-8, C	7-8, C					10/01/2022	17/04/2022			K12_A_TKDH	2021
03	1170054	GRD2049-2021.03			12	Nguyễn Hải Kiên	7-8, C	7-8, C	7-8, C					10/01/2022	17/04/2022			K12_D_TKDH	2021
04	1170054	GRD2049-2021.04			12	Nguyễn Xuân Giáp	7-8, C	7-8, C	7-8, C					10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
05	1170054	GRD2049-2021.05			12	Nguyễn Thị Hải Yến				7-8, C	7-8, C	7-8, C		10/01/2022	17/04/2022			K11 C TKDH	2021
06	1170054	GRD2049-2021.06			12	Tổng Việt Anh				7-8, C	7-8, C	7-8, C		10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
07	1170054	GRD2049-2021.07			12	Nguyễn Hữu Dũng				7-8, C	7-8, C	7-8, C		10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
08	1170054	GRD2049-2021.08			12	Nguyễn Xuân Giáp	9-10, C	9-10, C	9-10, C					17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
09	1170054	GRD2049-2021.09			12	Nguyễn Thị Mỹ	9-10, C	9-10, C	9-10, C					17/01/2022	17/04/2022			K12_D_TKDH	2021
10	1170054	GRD2049-2021.10			12	Ng.Duy Quốc Tuấn	9-10, C	9-10, C	9-10, C					17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
11	1170054	GRD2049-2021.11			12	Tổng Việt Anh				9-10, C	9-10, C	9-10, C		17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
12	1170054	GRD2049-2021.12			12	Nguyễn Hồng Sơn				9-10, C	9-10, C	9-10, C		17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
13	1170054	GRD2049-2021.13			12	Lê Đức Tùng				9-10, C	9-10, C	9-10, C		17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
	1060032	Hình họa 2	FAE2048	2	180												2_SPMT_M4		
01	1060032	FAE2048-2021.01			0	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K8HH		K8_HH	2021
02	1060032	FAE2048-2021.02			18	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
03	1060032	FAE2048-2021.03			18	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
04	1060032	FAE2048-2021.04			18	Hoàng Đức Dũng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
05	1060032	FAE2048-2021.05			18	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
06	1060032	FAE2048-2021.06			18	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
07	1060032	FAE2048-2021.07			18	Nguyễn Quang Minh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16B_SPMT	2021
08	1060032	FAE2048-2021.08			18	Nguyễn Quang Hải				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K14 SPMT	2021
09	1060032	FAE2048-2021.09			18	Nguyễn Quang Hải				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
10	1060032	FAE2048-2021.10			18	Nguyễn Thị Giang				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K15_SPMT	2021
11	1060032	FAE2048-2021.11			18	Phan Văn Hùng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16B_SPMT	2021
	1020042	Hình họa 4	FAD2053	2	56														
01	1020042	FAD2053-2021.01			14	Phạm Viết Minh Tri	7-8, B	7-8, B	7-8, B					20/12/2021	03/04/2022	Học xen ke		K12 TKTT	2020
02	1020042	FAD2053-2021.02			14	Nguyễn Minh Thùy	7-8, B	7-8, B	7-8, B					20/12/2021	03/04/2022	Học xen ke		K14_TKTT	2020
03	1020042	FAD2053-2021.03			14	Phạm Viết Minh Tri				1-2, B	1-2, B	1-2, B		20/12/2021	03/04/2022	Học xen ke		K14_TKTT	2020
04	1020042	FAD2053-2021.04			14	Nguyễn Minh Thùy				1-2, B	1-2, B	1-2, B		20/12/2021	03/04/2022	Học xen ke		K13 TKTT	2020
	1060004	Hình họa 4	FAE2050	2	39												2018		
01	1060004	FAE2050-2021.01			13	Nguyễn Quang Hải	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/02/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
02	1060004	FAE2050-2021.02			13	Nguyễn Quang Minh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/02/2022	K15 MT K7 HH		K12 SPMT	2020
03	1060004	FAE2050-2021.03			13	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/12/2021	27/02/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
	1060036	Hình họa 6	FAE2002	2	39												6* FAE2002		
05	1060036	FAE2002-2021.05			13	Nguyễn Văn Cường				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/12/2021	27/02/2022	K14 SPMT K6HH		K13 SPMT	2019
06	1060036	FAE2002-2021.06			13	Nguyễn Tú Anh				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/12/2021	27/02/2022	K14 SPMT K6HH		K14 SPMT	2019
07	1060036	FAE2002-2021.07			13	Nguyễn Quang Minh				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/12/2021	27/02/2022	K14 SPMT K6HH		K13 SPMT	2019
	1060037	Hình họa 7	FAE2003	3													7* FAE2003		
04	1060037	FAE2003-2021.04			0	Nguyễn Văn Cường						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT						2020
05	1060037	FAE2003-2021.05			0	Lê Thị Kim Liên						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT						2020
06	1060037	FAE2003-2021.06			0	Nguyễn Tú Anh						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT						2020
07	1060037	FAE2003-2021.07			0	Nguyễn Quang Minh						1-5, LTK12_TT	1-5, LTK12_TT						2020
	1060084	Hình họa 8	FAE2029	5	5												8*		
01	1060084	FAE2029-2021.01			5	Nguyễn Văn Cường				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/12/2021	27/03/2022	K5 HH		K5 HH	2018
	1020002	Hình họa chuyên ngành 2	FAD2021	2	45														
01	1020002	FAD2021-2021.01			15	Vũ Thanh Nghị	1-5, B	1-5, B	1-5, B					27/12/2021	27/02/2022			K12 TKTT	2019
02	1020002	FAD2021-2021.02			15	Trương Tuấn Anh	1-5, B	1-5, B	1-5, B					27/12/2021	27/02/2022			K12 TKTT	2019
03	1020002	FAD2021-2021.03			15	Ngô Văn Sơn	1-5, B	1-5, B	1-5, B					27/12/2021	27/02/2022			K13 TKTT	2019
	1170014	Hình họa chuyên ngành 2	GRD2009	4	117												6_TKDH_M3		
01	1170014	GRD2009-2021.01			13	Nguyễn Xuân Tám	7-8, A	7-8, A	7-8, A					20/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
02	1170014	GRD2009-2021.02			13	Vũ Xuân Hiền	7-8, A	7-8, A	7-8, A					20/12/2021	10/04/2022			K9B_TKĐH	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
03	1170014	GRD2009-2021.03			13	Nguyễn Hữu Dũng	7-8, A	7-8, A	7-8, A					20/12/2021	10/04/2022			K10A TKĐH	2019
04	1170014	GRD2009-2021.04			13	Nguyễn Hữu Dũng				7-8, A	7-8, A	7-8, A		20/12/2021	10/04/2022			K9B_TKĐH	2019
05	1170014	GRD2009-2021.05			13	Lê Đức Tùng				7-8, A	7-8, A	7-8, A		20/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
06	1170014	GRD2009-2021.06			13	Vũ Xuân Hiền				7-8, A	7-8, A	7-8, A		20/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
07	1170014	GRD2009-2021.07			13	Vũ Xuân Hiền	9-10, A	9-10, A	9-10, A					27/12/2021	10/04/2022			K9C_TKĐH	2019
08	1170014	GRD2009-2021.08			13	Nguyễn Xuân Tám	9-10, A	9-10, A	9-10, A					27/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
09	1170014	GRD2009-2021.09			13	Lê Đức Tùng	9-10, A	9-10, A	9-10, A					27/12/2021	10/04/2022			K9A_TKĐH	2019
	1170007	Hình họa màu nước	GRD2001	2	177												Hình họa nghiên cứu màu nước		
01	1170007	GRD2001-2021.01			14	Nguyễn Xuân Tám	1-2, A	1-2, A	1-2, A					20/12/2021	24/04/2022			K10B TKĐH	2020
02	1170007	GRD2001-2021.02			14	Nguyễn Hữu Dũng	1-2, A	1-2, A	1-2, A					20/12/2021	24/04/2022			K11 B TKDH	2020
03	1170007	GRD2001-2021.03			13	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-2, A	1-2, A	1-2, A					20/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
04	1170007	GRD2001-2021.04			13	Nguyễn Hải Kiên	1-2, A	1-2, A	1-2, A					20/12/2021	24/04/2022			K10A TKĐH	2020
05	1170007	GRD2001-2021.05			14	Lê Đức Tùng				1-2, A	1-2, A	1-2, A		20/12/2021	24/04/2022			K11 B TKDH	2020
06	1170007	GRD2001-2021.06			14	Nguyễn Hữu Dũng				1-2, A	1-2, A	1-2, A		20/12/2021	24/04/2022			K11 C TKDH	2020
07	1170007	GRD2001-2021.07			13	Nguyễn Hồng Sơn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		20/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
08	1170007	GRD2001-2021.08			14	Nguyễn Hồng Sơn	3-4, A	3-4, A	3-4, A					27/12/2021	24/04/2022			K11 C TKDH	2020
09	1170007	GRD2001-2021.09			14	Ng.Duy Quốc Tuấn	3-4, A	3-4, A	3-4, A					27/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
10	1170007	GRD2001-2021.10			13	Nguyễn Hữu Dũng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					27/12/2021	24/04/2022			K11 A TKDH	2020
11	1170007	GRD2001-2021.11			14	Nguyễn Hải Kiên				3-4, A	3-4, A	3-4, A		27/12/2021	24/04/2022			K10C TKĐH	2020
12	1170007	GRD2001-2021.12			14	Nguyễn Hồng Sơn				3-4, A	3-4, A	3-4, A		27/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
13	1170007	GRD2001-2021.13			13	Vũ Xuân Hiền				3-4, A	3-4, A	3-4, A		27/12/2021	24/04/2022			K10B TKĐH	2020
	1070097	Hòa tấu	MUS2063	2	40												2018		
13	1070097	MUS2063-2021.13			10	Phạm Hồng Phương						7-11, D							2020
14	1070097	MUS2063-2021.14			10	Phạm Hồng Phương						7-11, D							2020
15	1070097	MUS2063-2021.15			10	Phạm Hồng Phương						1-5, D							2020
16	1070097	MUS2063-2021.16			10	Phạm Hồng Phương						1-5, D							2020
	1190018	Hòa tấu 1.2	PIA2011	1															
03	1190018	PIA2011-2021.03			0	Hà Cẩm Vân		5-6, D											2021
04	1190018	PIA2011-2021.04			0	Lê Nam					5-6, D							K7 Piano	2021
05	1190018	PIA2011-2021.05			0	Nghiêm Thị Hà Ngân		5-6, D										K7 Piano	2021
06	1190018	PIA2011-2021.06			0	Đoàn Lê Phan Anh					5-6, D							K7 Piano	2021
07	1190018	PIA2011-2021.07			0	Phạm Hoàng Lê					5-6, D							K7 Piano	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
08	1190018	PIA2011-2021.08			0	Trần Hà Mi					11-12, D							K7 Piano	2021
09	1190018	PIA2011-2021.09			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	5-6, D											K7 Piano	2021
10	1190018	PIA2011-2021.10			0	Đinh Thu Hương					5-6, D							K7 Piano	2021
	1190019	Hòa tấu 2.1	PIA2012	1	2														
02	1190019	PIA2012-2021.02			1	Đinh Thu Hương					1-2, D			20/12/2021				K4 Piano	2019
04	1190019	PIA2012-2021.04			1	Đinh Thu Hương					7-8, D			20/12/2021				K5 Piano	2019
	1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1															
02	1190020	PIA2012-2021.02			0	Trần Hà Mi					5-6, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
03	1190020	PIA2012-2021.03			0	Nguyễn Nguyệt Cầm							5-6, D	20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
04	1190020	PIA2012-2021.04			0	Lê Nam		9-10, D						20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
05	1190020	PIA2012-2021.05			0	Hà Cẩm Vân					3-4, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
06	1190020	PIA2012-2021.06			0	Đoàn Lê Phan Anh					5-6, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
07	1190020	PIA2012-2021.07			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	3-4, D							20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
08	1190020	PIA2012-2021.08			0	Phạm Hoàng Lê			3-4, D					20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
09	1190020	PIA2012-2021.09			0	Đinh Công Hải	9-10, D							20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
	1190021	Hòa tấu 3.1	PIA2013	1	1														
08	1190021	PIA2013-2021.08			1	Phạm Hồng Phương			7-8, D					20/12/2021				K5 Piano	2019
	1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1	1														
02	1190022	PIA2013-2021.02			0	Bá Sắn							7-8, D	20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
03	1190022	PIA2013-2021.03			0	Phạm Hồng Phương			7-8, D					20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
04	1190022	PIA2013-2021.04			0	Cù Minh Giang							7-8, D	20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
05	1190022	PIA2013-2021.05			0	Nguyễn Hiền Đức			7-8, D					20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2019
06	1190022	PIA2013-2021.06			1	Phạm Hồng Phương						1-2, D		20/12/2021				K3 Piano	2019
	1190024	Hòa tấu 4.2	PIA2014	1	1														
01	1190024	PIA2014-2021.01			0	Đinh Thu Hương				9-10, D				20/12/2021	17/04/2022			K4 Piano	2018
02	1190024	PIA2014-2021.02			0	Bá Sắn					4-5, D			20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2018
03	1190024	PIA2014-2021.03			0	Phạm Hồng Phương						4-5, D		20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2018
04	1190024	PIA2014-2021.04			0	Bùi Đăng Khánh			9-10, D					20/12/2021	17/04/2022			K1 _Piano	2018
05	1190024	PIA2014-2021.05			1	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-2, D							20/12/2021				K2 _Piano	2019
	1070102	Hòa thanh 1	MUS2062	2	1												3* 2018		
09	1070102	MUS2062-2021.09			1	Lại Hồng Phong	13-17, D2							20/12/2021				K8 TN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1070116	Hòa thanh 1	MUS2022	3	1												3*MUS2022_2014		
02	1070116	MUS2022-2021.02			1	Lại Hồng Phong	13-17, D2ghep							20/12/2021				K5B_TN	2017
	1070117	Hòa thanh 2	MUS2023	2	320												4*MUS2023_2014		
03	1070117	MUS2023-2021.03			40	Đỗ Thị Thanh Nhân	1-5, DNN							20/12/2021	13/03/2022			K14D_SPAN	2020
04	1070117	MUS2023-2021.04			40	Nguyễn Thị Thu Trang (B)		1-5, D404						20/12/2021	13/03/2022			K13C_SPAN	2020
05	1070117	MUS2023-2021.05			40	Nguyễn Khải		7-11, D1						20/12/2021	13/03/2022			K12A_SPAN	2020
06	1070117	MUS2023-2021.06			40	Phạm Thu Hường			7-11, D304					20/12/2021	13/03/2022			K15A_SPAN	2020
07	1070117	MUS2023-2021.07			40	Nguyễn Khải				1-5, DNN				20/12/2021	13/03/2022			K13C_SPAN	2020
08	1070117	MUS2023-2021.08			40									20/12/2021	13/03/2022	Huy			2020
09	1070117	MUS2023-2021.09			40	Nguyễn Thành Vinh					7-11, D2			20/12/2021	13/03/2022			K12C_SPAN	2020
10	1070117	MUS2023-2021.10			40	Trần Vương Thanh						7-11, D305		20/12/2021	13/03/2022			K13D_SPAN	2020
	1190025	Hòa thanh trên đàn 1	PIA2015	2	30														
01	1190025	PIA2015-2021.01			30	Trần Vương Thanh			7-11, D305					20/12/2021	13/03/2022			K5 Piano	2020
	1080077	Hóa trang	CLM2053	2	30												DVK		
02	1080077	CLM2053-2021.02			30	Ng.Thuý Hường	1-5, NA401							20/12/2021	27/02/2022	BS K5 DVK		K3 DVK	2019
	1070011	Hợp xướng 1	MUS2080	2	420												2019		
10	1070011	MUS2080-2021.10			30	La Bảo Hồng	1-5, D							10/01/2022	24/04/2022			K8 TN	2021
11	1070011	MUS2080-2021.11			30	Phạm Xuân Danh	7-11, D							10/01/2022	24/04/2022			K14D_SPAN	2021
12	1070011	MUS2080-2021.12			30			1-5, D						10/01/2022	24/04/2022	Huy			2021
13	1070011	MUS2080-2021.13			30	Bùi Quỳnh Anh		1-5, D						10/01/2022	24/04/2022			K15G_SPAN	2021
14	1070011	MUS2080-2021.14			30	La Bảo Hồng		7-11, D						10/01/2022	24/04/2022			K15D_SPAN	2021
15	1070011	MUS2080-2021.15			30	La Bảo Hồng			1-5, D					10/01/2022	24/04/2022			K8 TN	2021
16	1070011	MUS2080-2021.16			30	Phạm Hoàng Trung			7-11, D					10/01/2022	24/04/2022			K14A_SPAN	2021
17	1070011	MUS2080-2021.17			30	Bùi Quỳnh Anh				1-5, D				10/01/2022	24/04/2022			K15D_SPAN	2021
18	1070011	MUS2080-2021.18			30	Phạm Hoàng Trung				1-5, D				10/01/2022	24/04/2022			K7B TN	2021
19	1070011	MUS2080-2021.19			30	La Bảo Hồng				7-11, D				10/01/2022	24/04/2022			K16A_SPAN	2021
20	1070011	MUS2080-2021.20			30	Bùi Quỳnh Anh				1-5, D				10/01/2022	24/04/2022			K16A_SPAN	2021
21	1070011	MUS2080-2021.21			30	Phạm Xuân Danh					7-11, D			10/01/2022	24/04/2022			K15D_SPAN	2021
22	1070011	MUS2080-2021.22			30	Phạm Hoàng Trung				7-11, D				10/01/2022	24/04/2022			K14A_SPAN	2021
23	1070011	MUS2080-2021.23			30	Phạm Xuân Danh					1-5, D			10/01/2022	24/04/2022			K15C_SPAN	2021
	1070012	Hợp xướng 2	MUS2081	2													2019		
13	1070012	MUS2081-2021.13			0	Phạm Xuân Danh			7-11, DNN					20/12/2021	03/04/2022			K14A_SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
14	1070012	MUS2081-2021.14			0	Vũ Thị Thùy Linh				7-11, DNN				20/12/2021	03/04/2022			K15D_SPAN	2020
15	1070012	MUS2081-2021.15			0	Vũ Thị Thùy Linh				1-5, D2				20/12/2021	03/04/2022			K15B_SPAN	2020
16	1070012	MUS2081-2021.16			0	Phạm Xuân Danh		7-11, D3						20/12/2021	03/04/2022			K14B_SPAN	2020
17	1070012	MUS2081-2021.17			0	Phạm Hoàng Trung	1-5, D3							20/12/2021	03/04/2022			K14A_SPAN	2020
18	1070012	MUS2081-2021.18			0	Phạm Hoàng Trung		1-5, D2						20/12/2021	03/04/2022			K14A_SPAN	2020
19	1070012	MUS2081-2021.19			0	Vũ Thị Thùy Linh	7-11, D1							20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
20	1070012	MUS2081-2021.20			0	Vũ Thị Thùy Linh			1-5, D1					20/12/2021	03/04/2022			K14A_SPAN	2020
21	1070012	MUS2081-2021.21			0	Vũ Thị Thùy Linh					7-11, DNN			20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
	1080039	Huy động tài trợ	CLM2040	2	50												6_QLVH_M4_TC		
01	1080039	CLM2040-2021.01			50	Ng. Thị Thanh Mai	7-11, E505							20/12/2021	10/04/2022			K11_QLVH	2019
	1060056	In độc bản	FAE2017	2	40												1*FAE2017		
09	1060056	FAE2017-2021.09			14	Nguyễn Quang Huy				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		28/03/2022	22/05/2022	K14 SPMT K6HH		K13 SPMT	2019
10	1060056	FAE2017-2021.10			13	Nguyễn Thị May				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		28/03/2022	22/05/2022	K14 SPMT K6HH		K14 SPMT	2019
11	1060056	FAE2017-2021.11			13	Hoàng Đức Dũng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		28/03/2022	22/05/2022	K14 SPMT K6HH		K14 SPMT	2019
	1070139	Keyboard/Guitar 1	*MUS2085	1															
01	1070139	*MUS2085-2021.01			0	Đào Văn Thực	9-10, C208							20/12/2021				K15C_SPAN	2020
02	1070139	*MUS2085-2021.02			0	Vũ Thanh Xuân					3-4, C310			20/12/2021				K15B_SPAN	2020
03	1070139	*MUS2085-2021.03			0	Dương Vũ Bình Minh						3-4, D102		20/12/2021				K12A_SPAN	2020
04	1070139	*MUS2085-2021.04			0	Cù Minh Giang						3-4, D101		20/12/2021				K13C_SPAN	2020
05	1070139	*MUS2085-2021.05			0	Nguyễn Quang Tùng		3-4, C208						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
06	1070139	*MUS2085-2021.06			0	Nguyễn Phương Ngọc		3-4, D103						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
07	1070139	*MUS2085-2021.07			0	Lê Quốc Vương		3-4, D107						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
08	1070139	*MUS2085-2021.08			0	Phạm Hoàng Long		9-10, C208						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
09	1070139	*MUS2085-2021.09			0	Lê Anh Chiến		9-10, C210						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
10	1070139	*MUS2085-2021.10			0	Phạm Huy Hùng		9-10, C310						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
11	1070139	*MUS2085-2021.11			0	Ngô Thị Việt Anh		9-10, D101						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
12	1070139	*MUS2085-2021.12			0	Nguyễn Phương Ngọc		9-10, D102						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
13	1070139	*MUS2085-2021.13			0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						10/01/2022				K15G_SPAN	2021
14	1070139	*MUS2085-2021.14			0	Phùng Thị Lan Hương		9-10, D107						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
15	1070139	*MUS2085-2021.15			0	Vũ Thanh Tú		9-10, D108						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
16	1070139	*MUS2085-2021.16			0	Hoàng Anh		9-10, C						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
17	1070139	*MUS2085-2021.17			0	Hồ Hữu Thái		9-10, C						10/01/2022				K16B_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
18	1070139	*MUS2085-2021.18			0	Đào văn Kiên		9-10, TN						10/01/2022				K16B_SPAN	2021
19	1070139	*MUS2085-2021.19			0	Vũ Thanh Xuân		9-10, TN						10/01/2022				K16B_SPAN	2021
20	1070139	*MUS2085-2021.20			0	Bùi Duy Anh			3-4, C208					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
21	1070139	*MUS2085-2021.21			0	Trần Hoài Sơn			9-10, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
22	1070139	*MUS2085-2021.22			0	Phạm Huy Hùng			9-10, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
23	1070139	*MUS2085-2021.23			0	Lê Anh Chiến			9-10, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
24	1070139	*MUS2085-2021.24			0	Nguyễn Tuấn Anh			9-10, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
25	1070139	*MUS2085-2021.25			0	Phạm Hoàng Long			9-10, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
26	1070139	*MUS2085-2021.26			0	Vũ Thanh Tú			9-10, D					10/01/2022				K16C_SPAN	2021
27	1070139	*MUS2085-2021.27			0	Nguyễn Quang Tùng				3-4, C208				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
28	1070139	*MUS2085-2021.28			0	Bùi Duy Anh				3-4, C210				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
29	1070139	*MUS2085-2021.29			0	Phạm Hoàng Long				3-4, C310				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
30	1070139	*MUS2085-2021.30			0	Lê Quốc Vương				3-4, D102				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
31	1070139	*MUS2085-2021.31			0	Lương Diệu Ánh				3-4, C				10/01/2022				K16A_SPAN	2021
32	1070139	*MUS2085-2021.32			0	Lê Anh Chiến				3-4, C				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
33	1070139	*MUS2085-2021.33			0	Phạm Hoàng Long					9-10, C208			10/01/2022				K16C_SPAN	2021
34	1070139	*MUS2085-2021.34			0	Hồ Hữu Thái					9-10, C210			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
35	1070139	*MUS2085-2021.35			0	Vũ Thanh Tú					9-10, D101			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
36	1070139	*MUS2085-2021.36			0	Hà Tân Mùi					9-10, D102			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
37	1070139	*MUS2085-2021.37			0	Phạm Hồng Phương					9-10, D103			10/01/2022				K16B_SPAN	2021
38	1070139	*MUS2085-2021.38			0	Hoàng Thị Trà Mi					9-10, D107			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
39	1070139	*MUS2085-2021.39			0	Ngô Thị Việt Anh					9-10, D108			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
40	1070139	*MUS2085-2021.40			0	Trần Hoàng Tiến						3-4, D103		10/01/2022				K16C_SPAN	2021
41	1070139	*MUS2085-2021.41			0	Trần Quốc Thùy						3-4, D107		10/01/2022				K16B_SPAN	2021
42	1070139	*MUS2085-2021.42			0	Hồ Hữu Thái						3-4, D108		10/01/2022				K16B_SPAN	2021
43	1070139	*MUS2085-2021.43			0	Trần Bích Thùy						3-4, C		10/01/2022				K16B_SPAN	2021
	1070141	Keyboard/Guitar 2	*MUS2086	20	1														
01	1070141	*MUS2086-2021.01			0	Nguyễn Thị Thu Hương	9-10, D102							20/12/2021				K14A_SPAN	2020
02	1070141	*MUS2086-2021.02			0	Vũ Thanh Xuân				9-10, D103				20/12/2021				K15B_SPAN	2020
03	1070141	*MUS2086-2021.03			0	Lương Diệu Ánh	9-10, D108							20/12/2021				K14A_SPAN	2020
04	1070141	*MUS2086-2021.04			0	Phùng Thị Lan Hương					3-4, D108			20/12/2021				K15B_SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
05	1070141	*MUS2086-2021.05			0	Trần Bích Thủy	9-10, C210							20/12/2021				K14A_SPAN	2020
06	1070141	*MUS2086-2021.06			0	Vũ Hồng Anh					3-4, D101			20/12/2021				K13B_SPAN	2020
07	1070141	*MUS2086-2021.07			0	Vũ Ngọc Sơn				9-10, D102				20/12/2021				K15B_SPAN	2020
08	1070141	*MUS2086-2021.08			0	Lương Đức Giang			3-4, C310					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
09	1070141	*MUS2086-2021.09			0	Trần Hoàng Tiến	9-10, C310							20/12/2021				K14A_SPAN	2020
10	1070141	*MUS2086-2021.10			0	Đặng Thái Sơn			3-4, D102					20/12/2021				K15B_SPAN	2020
11	1070141	*MUS2086-2021.11			0	Cù Minh Giang					3-4, C208			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
12	1070141	*MUS2086-2021.12			0	Cù Minh Giang			3-4, D101					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
13	1070141	*MUS2086-2021.13			0	Trần Quốc Thùy				9-10, C210				20/12/2021				K15B_SPAN	2020
14	1070141	*MUS2086-2021.14			0	Đào Văn Thực				9-10, D101				20/12/2021				K15E_SPAN	2020
15	1070141	*MUS2086-2021.15			0	Hà Tân Mùi					3-4, D102			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
16	1070141	*MUS2086-2021.16			0	Ngô Thị Việt Anh			3-4, D108					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
17	1070141	*MUS2086-2021.17			0	Bá Sán	9-10, D101							20/12/2021				K15A_SPAN	2020
18	1070141	*MUS2086-2021.18			0	Bùi Thị Diệu Minh				9-10, D107				20/12/2021				K14A_SPAN	2020
19	1070141	*MUS2086-2021.19			0	Đoàn Anh Vũ					3-4, D107			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
20	1070141	*MUS2086-2021.20			0	Hoàng Thị Trà Mi				9-10, D108				20/12/2021				K15A_SPAN	2020
21	1070141	*MUS2086-2021.21			0	Dương Vũ Bình Minh					3-4, C210			20/12/2021				K15C_SPAN	2020
22	1070141	*MUS2086-2021.22			0	Đào văn Kiên	9-10, D107							20/12/2021				K15B_SPAN	2020
23	1070141	*MUS2086-2021.23			0	Hoàng Thị Trà Mi			3-4, D107					20/12/2021				K15D_SPAN	2020
24	1070141	*MUS2086-2021.24			0	Mai Trần Hoàn				9-10, C				20/12/2021				K14B_SPAN	2020
25	1070141	*MUS2086-2021.25			0	Vũ Thanh Xuân			3-4, C210					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
26	1070141	*MUS2086-2021.26			0	Nguyễn Nguyệt Cầm			3-4, D103					20/12/2021				K12A_SPAN	2020
27	1070141	*MUS2086-2021.27			0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					20/12/2021				K12D_SPAN	2020
28	1070141	*MUS2086-2021.28			0	Bùi Thị Diệu Minh						3-4, D		20/12/2021				K12D_SPAN	2020
29	1070141	*MUS2086-2021.29			0	Trần Hoàng Tiến	13-14, D							20/12/2021				K13A_SPAN	2020
30	1070141	*MUS2086-2021.30			0	Vũ Thanh Xuân				13-14, D				20/12/2021				K12D_SPAN	2020
	1070101	Keyboard/Guitar 3	*MUS2087	1													2019		
01	1070101	*MUS2087-2021.01			0	Nguyễn Nguyệt Cầm				3-4, D103				20/12/2021				K14B_SPAN	2019
02	1070101	*MUS2087-2021.02			0	Nguyễn Thị Thu Hương						3-4, C208		20/12/2021				K14A_SPAN	2019
03	1070101	*MUS2087-2021.03			0	Lương Diệu Ánh			9-10, D108					20/12/2021				K14A_SPAN	2019
04	1070101	*MUS2087-2021.04			0	Trần Bích Thủy	3-4, C210							20/12/2021				K13A_SPAN	2019
05	1070101	*MUS2087-2021.05			0	Vũ Ngọc Sơn			9-10, D103					20/12/2021				K14A_SPAN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
06	1070101	*MUS2087-2021.06			0	Lương Đức Giang	3-4, C310							20/12/2021				K14A SPAN	2019
07	1070101	*MUS2087-2021.07			0	Đặng Thái Sơn	3-4, D102							20/12/2021				K14A SPAN	2019
08	1070101	*MUS2087-2021.08			0	Cù Minh Giang				9-10, D101				20/12/2021				K13A SPAN	2019
09	1070101	*MUS2087-2021.09			0	Bùi Thị Diệu Minh	3-4, E307							20/12/2021				K13B SPAN	2019
10	1070101	*MUS2087-2021.10			0	Hà Tân Mùi		3-4, C210						20/12/2021				K13A SPAN	2019
11	1070101	*MUS2087-2021.11			0	Bá Sán		3-4, D108						20/12/2021				K14A SPAN	2019
12	1070101	*MUS2087-2021.12			0	Đào Văn Thực				9-10, C210				20/12/2021				K13C SPAN	2019
13	1070101	*MUS2087-2021.13			0	Đoàn Anh Vũ		3-4, D102						20/12/2021				K13C SPAN	2019
14	1070101	*MUS2087-2021.14			0	Ngô Thị Việt Anh	3-4, D108							20/12/2021				K14A SPAN	2019
15	1070101	*MUS2087-2021.15			0	Đoàn Anh Vũ						3-4, D		20/12/2021				K11D_SPAN	2020
16	1070101	*MUS2087-2021.16			0	Đào văn Kiên						1-2, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
17	1070101	*MUS2087-2021.17			0	Mai Trần Hoàn						1-2, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
18	1070101	*MUS2087-2021.18			0	Lương Diệu Ánh						7-8, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
19	1070101	*MUS2087-2021.19			0	Mai Trần Hoàn						7-8, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
20	1070101	*MUS2087-2021.20			0	Lương Đức Giang						7-8, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
21	1070101	*MUS2087-2021.21			0	Nguyễn Phương Ngọc						1-2, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
	1080013	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	CLM2011	3	100												2_QLVH_M3		
01	1080013	CLM2011-2021.01			50	Bùi Hồng Hạnh		1-5, E502						10/01/2022	01/05/2022			K12 QLVH	2021
02	1080013	CLM2011-2021.02			50	Bùi Hồng Hạnh		7-11, E502						10/01/2022	01/05/2022			K13 QLVH	2021
	1060087	Khóa luận tốt nghiệp (HP tốt nghiệp)	FAE2032	7	10												ĐH HH		
01	1060087	FAE2032-2021.01			10							3-4, HPTN							2017
	1130012	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POL2010	2	1200												2 2019		
01	1130012	POL2010-2021.01			75	Đinh Văn Hoàng					1-5, E507			28/02/2022	24/04/2022			K7_HH	2021
02	1130012	POL2010-2021.02			75	Đinh Văn Hoàng					7-11, E507			28/02/2022	24/04/2022			K14C SPAN	2021
03	1130012	POL2010-2021.03			75	Đinh Văn Hoàng						1-5, E507		28/02/2022	24/04/2022	Day gọi sau LS TH 1		K14D SPAN	2021
04	1130012	POL2010-2021.04			75	Đinh Văn Hoàng						7-11, E507		28/02/2022	24/04/2022			K13 TKTT	2021
05	1130012	POL2010-2021.05			75	Nguyễn Thị Huyền	1-5, E306							10/01/2022	20/03/2022			K15D_SPAN	2021
06	1130012	POL2010-2021.06			75	Nguyễn Thị Huyền	7-11, E507							10/01/2022	20/03/2022			K14D SPAN	2021
07	1130012	POL2010-2021.07			75	Nguyễn Thị Huyền		1-5, E507						21/03/2022	15/05/2022			K13 QLVH	2021
08	1130012	POL2010-2021.08			75	Nguyễn Thị Huyền		7-11, E507						21/03/2022	15/05/2022			K15E_SPAN	2021
09	1130012	POL2010-2021.09			75	Nguyễn Thị Huyền			1-5, E507					10/01/2022	20/03/2022			K15B_TKTT	2021
10	1130012	POL2010-2021.10			75	Nguyễn Thị Huyền			7-11, E507					10/01/2022	20/03/2022			K14C SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
11	1130012	POL2010-2021.11			75	Nguyễn Thị Huyền				1-5, E405				10/01/2022	20/03/2022			K15B_TKTT	2021
12	1130012	POL2010-2021.12			75	Nguyễn Thị Huyền				7-11, E507				10/01/2022	20/03/2022			K7A TN	2021
13	1130012	POL2010-2021.13			75	Trịnh Anh Tuấn	1-5, E507							21/03/2022	15/05/2022	Học gọi		K15B_TKTT	2021
14	1130012	POL2010-2021.14			75	Trịnh Anh Tuấn	7-11, E507							21/03/2022	15/05/2022	Học gọi		K15A_TKTT	2021
15	1130012	POL2010-2021.15			75	Trịnh Anh Tuấn			1-5, E507					21/03/2022	15/05/2022			K15B_TKTT	2021
16	1130012	POL2010-2021.16			75	Trịnh Anh Tuấn			7-11, E507					21/03/2022	15/05/2022			K15A_TKTT	2021
	1170021	Ký họa	GRD2016	2	156												_TKDH_M3_TC		
01	1170021	GRD2016-2021.01			12	Ng.Duy Quốc Tuấn		1-4, E605						07/03/2022	24/04/2022			K11 C TKDH	2021
02	1170021	GRD2016-2021.02			12	Phạm Minh Phong		1-4, E605						07/03/2022	24/04/2022			K13A_TKDH	2021
03	1170021	GRD2016-2021.03			12	Nguyễn Thị Mỹ		1-4, E605						07/03/2022	24/04/2022			K12_A_TKDH	2021
04	1170021	GRD2016-2021.04			12	Nguyễn Hữu Dũng		7-10, E605						07/03/2022	24/04/2022			K12_A_TKDH	2021
05	1170021	GRD2016-2021.05			12	Nguyễn Xuân Tám		7-10, E605						07/03/2022	24/04/2022			K12_C_TKDH	2021
06	1170021	GRD2016-2021.06			12	Tổng Việt Anh		7-10, E605						07/03/2022	24/04/2022			K11 A TKDH	2021
07	1170021	GRD2016-2021.07			12	Lê Đức Tùng					1-4, E605			07/03/2022	24/04/2022			K9B_TKĐH	2021
08	1170021	GRD2016-2021.08			12						1-4, E605			07/03/2022	24/04/2022	Huy			2021
09	1170021	GRD2016-2021.09			12	Nguyễn Hồng Sơn					1-4, E605			07/03/2022	24/04/2022			K13A_TKDH	2021
10	1170021	GRD2016-2021.10			12	Nguyễn Hải Kiên					1-4, E605			07/03/2022	24/04/2022			K13A_TKDH	2021
11	1170021	GRD2016-2021.11			12	Nguyễn Thị Mỹ					7-10, E605			07/03/2022	24/04/2022			K11 C TKDH	2021
12	1170021	GRD2016-2021.12			12	Ng.Duy Quốc Tuấn					7-10, E605			07/03/2022	24/04/2022			K13A_TKDH	2021
13	1170021	GRD2016-2021.13			12	Nguyễn Xuân Tám					7-10, E605			07/03/2022	24/04/2022			K12_B_TKDH	2021
	1060053	Ký họa	FAE2027	2	180												1*_SPMT_M4_TC		
02	1060053	FAE2027-2021.02			18	Nguyễn Tú Anh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					21/03/2022	15/05/2022			K16A_SPMT	2021
03	1060053	FAE2027-2021.03			18	Nguyễn Văn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					21/03/2022	15/05/2022			K16A_SPMT	2021
04	1060053	FAE2027-2021.04			18	Nguyễn Huy Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					21/03/2022	15/05/2022			K13 SPMT	2021
05	1060053	FAE2027-2021.05			18	Nguyễn Thị May	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					21/03/2022	15/05/2022			K16A_SPMT	2021
06	1060053	FAE2027-2021.06			18	Nguyễn Quang Hải	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					21/03/2022	15/05/2022			K16A_SPMT	2021
07	1060053	FAE2027-2021.07			18	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					21/03/2022	15/05/2022			K16B_SPMT	2021
08	1060053	FAE2027-2021.08			18	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					21/03/2022	15/05/2022			K16B_SPMT	2021
09	1060053	FAE2027-2021.09			18	Nguyễn Quang Minh				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		21/03/2022	15/05/2022			K15_SPMT	2021
10	1060053	FAE2027-2021.10			18	Hoàng Đức Dũng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		21/03/2022	15/05/2022			K15_SPMT	2021
11	1060053	FAE2027-2021.11			18	Phan Văn Hùng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		21/03/2022	15/05/2022			K16A_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1140030	Kỹ năng giao tiếp	PPE2022	2	10												1*		
01	1140030	PPE2022-2021.01			10	Nguyễn Quỳnh Trang			7-11, E305					20/12/2021	27/02/2022			K5 SPAN MN	2019
	1140039	Kỹ năng khởi nghiệp	PPE2030	3	420												2020		
01	1140039	PPE2030-2021.01			60	Bùi Thị Ngần						1-5, E301						K5_CNM	2021
02	1140039	PPE2030-2021.02			60	Bùi Thị Ngần						1-5, E403						K5_CNM	2021
03	1140039	PPE2030-2021.03			60	Bùi Thị Ngần						1-5, E405						K5_CNM	2021
04	1140039	PPE2030-2021.04			60	Bùi Thị Ngần						7-11, E501						K1 Du lịch	2021
05	1140039	PPE2030-2021.05			60	Bùi Thị Ngần						7-11, E301						K7A DVK	2021
06	1140039	PPE2030-2021.06			60	Bùi Thị Ngần						7-11, E503						K7A DVK	2021
07	1140039	PPE2030-2021.07			60	Bùi Thị Ngần							7-11, E505					K7A DVK	2021
	1080101	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 6	CLM2067	3	10														
01	1080101	CLM2067-2021.01			10	Quốc Trọng						1-5, E;7-11, E	1-5, E;7-11, E			Bo sung lịch học cho sv theo đn của khoa		K3 LT CD DVK	2021
	1080102	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	CLM2068	3	15														
02	1080102	CLM2068-2021.02			15	Quốc Trọng							1-5, E;7-11, E			Bo sung 21.02			2021
	1080103	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 8	CLM2069	3	1														
02	1080103	CLM2069-2021.02			1	Đình Xuân Tùng			1-5, E, 7-11, E					14/02/2022		Bo sung theo đn của khoa VHNT		K2DVK	2018
	1100046	Kỹ thuật diễn viên	VMU2010	2	60												4_TN_M4		
01	1100046	VMU2010-2021.01			30	Ng.Thuý Hường		1-5, D4						20/12/2021				K6A TN	2020
02	1100046	VMU2010-2021.02			30	Ng.Thuý Hường					7-11, D4			20/12/2021				K7A TN	2020
	1200037	Kỹ thuật dựng rạp 3D trên manocanh	DGI2037	3	20														
01	1200037	DGI2037-2021.01			20	Nguyễn Huyền Trang			7-11, E					27/12/2021	20/03/2022			K3 CNM	2019
	1070015	Ký xướng âm 2	MUS2018	2	465												2* Dùng chung		
03	1070015	MUS2018-2021.03			15	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	1-5, D304							10/01/2022	17/04/2022			K15C_SPAN	2021
04	1070015	MUS2018-2021.04			15	Nguyễn Thị Phương Mai	1-5, D306							10/01/2022	17/04/2022			K12A_SPAN	2021
05	1070015	MUS2018-2021.05			15	Vũ Thị Kim Thu	1-5, D305							10/01/2022	17/04/2022			K8 TN	2021
06	1070015	MUS2018-2021.06			15	Phạm Thu Hường	7-11, D204							10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
07	1070015	MUS2018-2021.07			15	Ng.Thị Thu Trang (A)	7-11, DNN							10/01/2022	17/04/2022			K15F_SPAN	2021
08	1070015	MUS2018-2021.08			15	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	7-11, D							10/01/2022	17/04/2022			K15D_SPAN	2021
09	1070015	MUS2018-2021.09			15			1-5, D3						10/01/2022	17/04/2022				2021
10	1070015	MUS2018-2021.10			15	Lại Hồng Phong		1-5, D304						10/01/2022	17/04/2022			K15F_SPAN	2021
11	1070015	MUS2018-2021.11			15	Đoàn Thị Thanh Vân		1-5, D306						10/01/2022	17/04/2022			K15D_SPAN	2021
12	1070015	MUS2018-2021.12			15	Khuất Duy Nhã		7-11, D406						10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
13	1070015	MUS2018-2021.13			15			7-11, D305						10/01/2022	17/04/2022				2021
14	1070015	MUS2018-2021.14			15	Đoàn Thị Thanh Vân		7-11, D204						10/01/2022	17/04/2022			K16B_SPAN	2021
15	1070015	MUS2018-2021.15			15	Nguyễn Thị Thu Trang (B)			1-5, D404					10/01/2022	17/04/2022			K15G_SPAN	2021
16	1070015	MUS2018-2021.16			15	Trần Thị Thanh Hương			1-5, D405					10/01/2022	17/04/2022			K15G_SPAN	2021
17	1070015	MUS2018-2021.17			15	Trần Vương Thanh			1-5, D2					10/01/2022	17/04/2022			K16B_SPAN	2021
18	1070015	MUS2018-2021.18			15	Vũ Thị Kim Thu			7-11, D204					10/01/2022	17/04/2022			K8 TN	2021
19	1070015	MUS2018-2021.19			15	Trần Thị Thanh Hương			7-11, D304					10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
20	1070015	MUS2018-2021.20			15	Khuất Duy Nhã			7-11, D306					10/01/2022	17/04/2022			K14D SPAN	2021
21	1070015	MUS2018-2021.21			15	Nguyễn Thị Thu Trang (B)				1-5, D404				10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
22	1070015	MUS2018-2021.22			15	Khuất Duy Nhã				1-5, D405				10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
23	1070015	MUS2018-2021.23			15	Nguyễn Đức Linh				1-5, D305				10/01/2022	17/04/2022			K16B_SPAN	2021
24	1070015	MUS2018-2021.24			15	Phạm Thu Hường				7-11, D405				10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
25	1070015	MUS2018-2021.25			15	Khuất Duy Nhã				7-11, D404				10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
26	1070015	MUS2018-2021.26			15						1-5, D404			10/01/2022	17/04/2022				2021
27	1070015	MUS2018-2021.27			15	Ng. Thị Thu Trang (A)					1-5, D405			10/01/2022	17/04/2022			K15G_SPAN	2021
28	1070015	MUS2018-2021.28			15	Nguyễn Đức Linh					1-5, D204			10/01/2022	17/04/2022			K15G_SPAN	2021
29	1070015	MUS2018-2021.29			15	Vũ Thị Kim Thu					7-11, D404			10/01/2022	17/04/2022			K7A TN	2021
30	1070015	MUS2018-2021.30			15	Nguyễn Đức Linh					7-11, D204			10/01/2022	17/04/2022			K15B_SPAN	2021
31	1070015	MUS2018-2021.31			15	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D405			10/01/2022	17/04/2022			K16A_SPAN	2021
32	1070015	MUS2018-2021.32			15	Đoàn Thị Thanh Vân						1-5, D404		10/01/2022	17/04/2022			K16C_SPAN	2021
33	1070015	MUS2018-2021.33			15	Nghiêm Hồng Hà		13-17, D405						10/01/2022	17/04/2022			K5B_TN	2021
	1070021	Ký xướng âm 3	MUS2019	2	1												3* MUS2019		
22	1070021	MUS2019-2021.22			1	Lại Hồng Phong			13-17, D2					20/12/2021				K8 TN	2020
	1070026	Ký xướng âm 4	MUS2020	2	357												4* MUS2020		
05	1070026	MUS2020-2021.05			17	Nguyễn Thị Lệ Huyền	1-5, D405							20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
06	1070026	MUS2020-2021.06			17	Nguyễn Thành Vinh	1-5, D304							20/12/2021	03/04/2022			K14D SPAN	2020
07	1070026	MUS2020-2021.07			17	Mai Linh Chi	7-11, D404							20/12/2021	03/04/2022			K13B SPAN	2020
08	1070026	MUS2020-2021.08			17	Nguyễn Thị Lệ Huyền	7-11, D405							20/12/2021	03/04/2022			K12D_SPAN	2020
09	1070026	MUS2020-2021.09			17									20/12/2021	03/04/2022	Huy			2020
10	1070026	MUS2020-2021.10			17	Phạm Thu Hường		1-5, D405						20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
11	1070026	MUS2020-2021.11			17	Nguyễn Đức Linh		1-5, D204						20/12/2021	03/04/2022			K14D SPAN	2020
12	1070026	MUS2020-2021.12			17	Nguyễn Đức Linh		7-11, D404						20/12/2021	03/04/2022			K13D SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1070026	MUS2020-2021.13			17	Vũ Thị Kim Thu			1-5, D204					20/12/2021	03/04/2022			K13A SPAN	2020
14	1070026	MUS2020-2021.14			17	Khuất Duy Nhã			1-5, D406					20/12/2021	03/04/2022			K13D SPAN	2020
15	1070026	MUS2020-2021.15			17	Nguyễn Thị Phương Mai			7-11, D404					20/12/2021	03/04/2022			K13D SPAN	2020
16	1070026	MUS2020-2021.16			17	Nghiêm Hồng Hà			7-11, D405					20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
17	1070026	MUS2020-2021.17			17	Nghiêm Hồng Hà				1-5, D406				20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
18	1070026	MUS2020-2021.18			17	Trần Thị Thanh Hương				1-5, D304				20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
19	1070026	MUS2020-2021.19			17									20/12/2021	03/04/2022	Huy			2020
20	1070026	MUS2020-2021.20			17	Nguyễn Thành Vinh				7-11, D406				20/12/2021	03/04/2022			K12C_SPAN	2020
21	1070026	MUS2020-2021.21			17	Nguyễn Khải					1-5, D406			20/12/2021	03/04/2022			K13C SPAN	2020
22	1070026	MUS2020-2021.22			17	Mai Linh Chi					7-11, D304			20/12/2021	03/04/2022			K15A_SPAN	2020
23	1070026	MUS2020-2021.23			17	Ng.Thị Thu Trang (A)						1-5, D406		20/12/2021	03/04/2022			K13B SPAN	2020
24	1070026	MUS2020-2021.24			17	Khuất Duy Nhã						7-11, D404		20/12/2021	03/04/2022			K14A SPAN	2020
25	1070026	MUS2020-2021.25			17	Vũ Thị Kim Thu						7-11, D304		20/12/2021	03/04/2022			K13A SPAN	2020
	1070037	Ký xướng âm 5	MUS2021	2													5* MUS2021		
05	1070037	MUS2021-2021.05			0	Nguyễn Đức Linh							7-11, D					K12B_SPAN	2019
10	1070037	MUS2021-2021.10			0	Nguyễn Thị Phương Mai							1-5, D					K12 CDLT SPAN	2020
11	1070037	MUS2021-2021.11			0	Nguyễn Thành Vinh							7-11, D					K12 CDLT SPAN	2020
	1070025	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2005	2	1												2*MUS2005		
01	1070025	MUS2005-2021.01			1	Lại Hồng Phong				7-11, D1 ghep				20/12/2021	13/03/2022			K4 AN MN	2017
	1070104	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	287												2018		
03	1070104	MUS2061-2021.03			41	Đoàn Thị Thu Hà	1-5, D1							20/12/2021	13/03/2022			K13B SPAN	2020
04	1070104	MUS2061-2021.04			41	Nghiêm Hồng Hà	7-11, D305							20/12/2021	13/03/2022			K14C SPAN	2020
05	1070104	MUS2061-2021.05			41	Đoàn Thị Thu Hà		1-5, D1						20/12/2021	13/03/2022			K13B SPAN	2020
06	1070104	MUS2061-2021.06			41	Nghiêm Hồng Hà			1-5, DNN					20/12/2021	13/03/2022			K14A SPAN	2020
07	1070104	MUS2061-2021.07			41	Trần Thị Thanh Hương				7-11, D1				20/12/2021	13/03/2022			K14D SPAN	2020
08	1070104	MUS2061-2021.08			41	Lại Hồng Phong				1-5, DNN				20/12/2021	13/03/2022			K13A SPAN	2020
09	1070104	MUS2061-2021.09			41	Lại Hồng Phong				7-11, D1				20/12/2021	13/03/2022			K14B SPAN	2020
	1080089	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	CLM2058	3	30												DVK		
03	1080089	CLM2058-2021.03			30	Hà Thị Thu Hà			7-11, NA401					20/12/2021		K6DVK		K3 DVK	2020
	1170012	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	GRD2007	2	138												6_TKDH_M3		
01	1170012	GRD2007-2021.01			46	Quách Thị Ngọc An		7-11, E602						20/12/2021	13/02/2022			K9A_TKĐH	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
02	1170012	GRD2007-2021.02			46	Quách Thị Ngọc An					1-5, E602			20/12/2021	13/02/2022			K10A TKĐH	2019
03	1170012	GRD2007-2021.03			46	Quách Thị Ngọc An					7-11, E602			20/12/2021	13/02/2022			K9A_TKĐH	2019
	1060112	Lịch sử nghệ thuật	FAE2076	2	10														
01	1060112	FAE2076-2021.01			10	Nguyễn Minh Tân					1-5, C202			20/12/2021	27/02/2022	K7 HH		K7_HH	2020
	1190033	Lịch sử nghệ thuật Piano	PIA2001	2	30														
01	1190033	PIA2001-2021.01			30	Trần Vương Thanh					10-11, D305			20/12/2021	13/03/2022			K5 Piano	2019
	1060024	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới và Việt nam	FAE2067	2	30												5_SPMT_M3_TC		
01	1060024	FAE2067-2021.01			30	Nguyễn Minh Tân					1-5, C202			28/02/2022	24/04/2022	K5DVK		K5 DVK	2019
	1080084	Lịch sử sân khấu Thế giới và Việt Nam	CLM2057	3	35														
02	1080084	CLM2057-2021.02			35	Hà Thị Hoa			1-5, NA401					20/12/2021				K4 DVK-DA	2020
	1020025	Lịch sử trang phục Việt Nam và thế giới	FAD2017	2	50														
01	1020025	FAD2017-2021.01			50	Lê Phương Anh						7-11, E		20/12/2021	13/02/2022	Sau do la My h?c		K12 TKTT	2020
	1130005	Lịch sử triết học 1	POL2005	2	10												5* 6_TKDH_TC		
01	1130005	POL2005-2021.01			10	Đình Văn Hoàng						1-5, E507		27/12/2021	27/02/2022			K7_HH	2020
	1080004	Lịch sử văn học Việt Nam và Thế giới	CLM2089	2	35												DVK 2019		
02	1080004	CLM2089-2021.02			35	Hà Thị Thu Hà				7-11, NA401				20/12/2021				K6 DVK	2020
	1060023	Luật xa gần	FAE2078	2	360												1_SPMT_M3		
01	1060023	FAE2078-2021.01			40	Vũ Hạnh Chi		7-11, C21						10/01/2022	03/04/2022			K12_B_TKDH	2021
02	1060023	FAE2078-2021.02			40	Trang Tổ Uyên				7-11, E505				10/01/2022	03/04/2022			K12_A_TKDH	2021
03	1060023	FAE2078-2021.03			40	Vũ Hạnh Chi					7-11, C21			10/01/2022	03/04/2022			K12_A_TKDH	2021
04	1060023	FAE2078-2021.04			40	Vũ Hạnh Chi						7-11, E506		10/01/2022	03/04/2022				2021
05	1060023	FAE2078-2021.05			40	Vũ Hạnh Chi	1-5, E505							10/01/2022	03/04/2022			K12_B_TKDH	2021
06	1060023	FAE2078-2021.06			40	Vũ Hạnh Chi			1-5, E505					10/01/2022	03/04/2022			K7_HH	2021
07	1060023	FAE2078-2021.07			40	Vũ Hạnh Chi				1-5, E505				10/01/2022	03/04/2022			K12_C_TKDH	2021
08	1060023	FAE2078-2021.08			40	Trang Tổ Uyên						1-5, E505		10/01/2022	03/04/2022				2021
09	1060023	FAE2078-2021.09			40	Trang Tổ Uyên						1-5, C21		10/01/2022	03/04/2022			K16A_SPMT	2021
	1060025	Lý luận và phê bình Mỹ thuật	FAE2086	2	100												2019		
01	1060025	FAE2086-2021.01			50	Nguyễn Minh Tân	7-11, C202							20/12/2021	06/03/2022	K14 SPMT		K14 SPMT	2019
02	1060025	FAE2086-2021.02			50	Nguyễn Minh Tân						1-5, LT41-79	1-5, LT41-79			K12 LT		K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
03	1060025	FAE2086-2021.03			0	Nguyễn Minh Tân						1-5, LT80-119	1-5, LT80-119			Moi mo			2020
04	1060025	FAE2086-2021.04			0							1-5, LT1-40	1-5, LT1-40						2020
	1080049	Lý luận văn hóa (Tốt nghiệp)	CLM2051	5	50												8_QLVH_M5		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1080049	CLM2051-2021.01			50								3-4, HPTN						2018
	1070013	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2													2*MUS2009		
02	1070013	MUS2009-2021.02			0	Ng.Thị Thu Trang (A)	1-5, D304							10/01/2022				K16A_SPAN	2021
03	1070013	MUS2009-2021.03			0	Nguyễn Thị Phương Mai	7-11, D305							10/01/2022				K5 Piano	2021
04	1070013	MUS2009-2021.04			0	Đỗ Thị Thanh Nhân		1-5, D304						10/01/2022				K16C_SPAN	2021
05	1070013	MUS2009-2021.05			0	Nguyễn Thị Thu Trang (B)		7-11, D1						10/01/2022				K12B_SPAN	2021
06	1070013	MUS2009-2021.06			0	Mai Linh Chi			1-5, D305					10/01/2022				K16D_SPAN	2021
07	1070013	MUS2009-2021.07			0	Mai Linh Chi			7-11, D305					10/01/2022				K16E_SPAN	2021
08	1070013	MUS2009-2021.08			0	Trần Vương Thanh				1-5, E305				10/01/2022				K13B SPAN	2021
09	1070013	MUS2009-2021.09			0	Nguyễn Thị Phương Mai				7-11, E305				10/01/2022				K16F_SPAN	2021
10	1070013	MUS2009-2021.10			0	Trần Thị Thanh Hương					1-5, D1			10/01/2022				K16G_SPAN	2021
11	1070013	MUS2009-2021.11			0	Ng.Thị Thu Trang (A)					7-11, DNN			10/01/2022				K12D_SPAN	2021
12	1070013	MUS2009-2021.12			0	Trần Vương Thanh						1-5, DNN		10/01/2022				K16H_SPAN	2021
	1070148	Lý thuyết âm nhạc tổng hợp	MUS2071	3	10												ANMN K5		
01	1070148	MUS2071-2021.01			10								1-5, HPTN						2018
	1070092	Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2068	3	200												2018		
01	1070092	MUS2068-2021.01			200								1-5, HPTN						2018
	1060048	Lý thuyết bố cục	FAE2028	2													1*FAE2028		
01	1060048	FAE2028-2021.01			0	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					07/03/2022	01/05/2022			K8_HH	2021
	1060010	Lý thuyết Mỹ thuật TH (HP tốt nghiệp)	FAE2023	5	200												2018		
01	1060010	FAE2023-2021.01			200								1-2, HPTN			K13 SPMT			2018
	1020003	Marketing thời trang	FAD2013	2	55														
01	1020003	FAD2013-2021.01			55	Lê Phương Anh				1-5, E				27/12/2021	06/03/2022			K12 TKTT	2019
	1070002	Múa	*MUS2011	3													MUS2011		
01	1070002	*MUS2011-2021.01			0	Phạm Ngọc Thùy					1-5, E607			20/12/2021				K12A_SPAN	2020
02	1070002	*MUS2011-2021.02			0	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							10/01/2022				K15D_SPAN	2021
03	1070002	*MUS2011-2021.03			0	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							10/01/2022				K15G_SPAN	2021
04	1070002	*MUS2011-2021.04			0	Ng.Th.Quỳnh Phương	7-11, E607							10/01/2022				K15F_SPAN	2021
05	1070002	*MUS2011-2021.05			0	Ng.Th.Quỳnh Phương	7-11, E607							10/01/2022				K15G_SPAN	2021
06	1070002	*MUS2011-2021.06			0	Nông Thu Giang		1-5, E607						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
07	1070002	*MUS2011-2021.07			0	Nông Thu Giang		1-5, E607						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
08	1070002	*MUS2011-2021.08			0	Nông Thu Giang		7-11, E607						10/01/2022				K15G_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1070002	*MUS2011-2021.09			0	Nông Thu Giang		7-11, E607						10/01/2022				K15C_SPAN	2021
10	1070002	*MUS2011-2021.10			0	Ng.Th.Quỳnh Phương			1-5, E607					10/01/2022				K16A_SPAN	2021
11	1070002	*MUS2011-2021.11			0	Ng.Th.Quỳnh Phương			1-5, E607					10/01/2022				K16C_SPAN	2021
12	1070002	*MUS2011-2021.12			0	Phạm Ngọc Thùy			7-11, E607					10/01/2022				K15F_SPAN	2021
13	1070002	*MUS2011-2021.13			0	Phạm Ngọc Thùy			7-11, E607					10/01/2022				K14A_SPAN	2021
14	1070002	*MUS2011-2021.14			0	Ng.Th.Quỳnh Phương				1-5, E607				10/01/2022				K15G_SPAN	2021
15	1070002	*MUS2011-2021.15			0	Ng.Th.Quỳnh Phương				1-5, E607				10/01/2022				K13C_SPAN	2021
16	1070002	*MUS2011-2021.16			0	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				10/01/2022				K16E_SPAN	2021
17	1070002	*MUS2011-2021.17			0	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				10/01/2022				K15F_SPAN	2021
18	1070002	*MUS2011-2021.18			0	Phạm Ngọc Thùy					1-5, E607			10/01/2022				K15G_SPAN	2021
19	1070002	*MUS2011-2021.19			0	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607			10/01/2022				K13D_SPAN	2021
20	1070002	*MUS2011-2021.20			0	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607			10/01/2022				K15G_SPAN	2021
	1080051	Mỹ học	CLM2006	2	135												1_QLVH_M1		
02	1080051	CLM2006-2021.02			45	Trần Vĩnh Khương	1-5, E502							10/01/2022	17/04/2022			K13_QLVH	2021
03	1080051	CLM2006-2021.03			45	Trần Vĩnh Khương	7-11, E503							10/01/2022	17/04/2022			K6_DVK	2021
04	1080051	CLM2006-2021.04			45	Ng.Thị Thanh Mai			1-5, E502					10/01/2022	17/04/2022			K12_QLVH	2021
	1060098	Mỹ học	FAE2072	2	55												2*		
06	1060098	FAE2072-2021.06			55	Nguyễn Minh Tân						7-11, C21		23/02/2022	19/04/2022	TKTT		K12_TKTT	2020
	1060109	Mỹ thuật học	FAE2096	2	50												2019		
01	1060109	FAE2096-2021.01			50	Đào Thị Thuý Anh				7-11, C202				20/12/2021	13/03/2022	K15_MT		K14_SPMT	2020
	1060100	Mỹ thuật Sân khấu biểu diễn	FAE2090	2	39												2019		
08	1060100	FAE2090-2021.08			13	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					07/03/2022	01/05/2022	K14_SPMT		K14_SPMT	2019
09	1060100	FAE2090-2021.09			13	Chu Hoàng Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					07/03/2022	01/05/2022	K14_SPMT		K14_SPMT	2019
10	1060100	FAE2090-2021.10			13	Lưu Thị Hồng Điềm	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					07/03/2022	01/05/2022	K14_SPMT		K14_SPMT	2019
	1170065	Nghệ thuật chữ	GRD2057	3	138												2020		
01	1170065	GRD2057-2021.01			46	Phạm Phương Linh		1-5, E603						20/12/2021	10/04/2022			K12_A_TKDH	2020
02	1170065	GRD2057-2021.02			46	Lò Mai Trang		7-11, E603						20/12/2021	10/04/2022			K12_A_TKDH	2020
03	1170065	GRD2057-2021.03			46	Ng.Hoài Phương Anh					1-5, E603			20/12/2021	10/04/2022			K12_A_TKDH	2020
	1170024	Nghệ thuật chữ	GRD2019	2	20												4_TKDH_M4		
01	1170024	GRD2019-2021.01			10	Phạm Phương Linh		1-5, E603 Ghep						20/12/2021	10/04/2022			K11_B_TKDH	2018
02	1170024	GRD2019-2021.02			10	Ng.Hoài Phương Anh					1-5, E603 Ghep			20/12/2021	10/04/2022			K10B_TKDH	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1080042	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HĐ tập thể	CLM2043	2	70												7_QLVH_M4_TC		
01	1080042	CLM2043-2021.01			70	Ng.Thị Thanh Mai		7-11, E305						20/12/2021	10/04/2022			K12 QLVH	2020
	1080245	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội	CLM2224	2	25												CTXH		
01	1080245	CLM2224-2021.01			25	Ng.Thị Thanh Mai			7-11, E503					20/12/2021	27/03/2022			K1 CTXH	2020
	1170064	Nghệ thuật nhiếp ảnh	GRD2058	3	138												2020		
01	1170064	GRD2058-2021.01			46	Nguyễn Quang Huy		1-5, E603						20/12/2021	13/02/2022			K12_A_TKDH	2020
02	1170064	GRD2058-2021.02			46	Nguyễn Văn Hiến		7-11, E603						20/12/2021	13/02/2022			K12_A_TKDH	2020
03	1170064	GRD2058-2021.03			46	Nguyễn Trần Thế Hiệp					1-5, E603			20/12/2021	13/02/2022			K12_A_TKDH	2020
	1060058	Nghệ thuật thiết kế	FAE2018	2	42												1*FAE2018		
01	1060058	FAE2018-2021.01			14	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/12/2021	27/02/2022	K15 MT K7 HH		K14 SPMT	2020
02	1060058	FAE2018-2021.02			14	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/12/2021	27/02/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
03	1060058	FAE2018-2021.03			14	Chu Thị Hương Thu	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/12/2021	27/02/2022	K15 MT K7 HH		K15_SPMT	2020
	1070094	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2064	2													2018		
01	1070094	*MUS2064-2021.01			0	Nguyễn Thị Thu Hương	13-14, D							20/12/2021				K13A SPAN	2020
02	1070094	*MUS2064-2021.02			0	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
03	1070094	*MUS2064-2021.03			0	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
04	1070094	*MUS2064-2021.04			0	Phạm Huy Hùng						1-5, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
05	1070094	*MUS2064-2021.05			0	Phạm Huy Hùng						1-5, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
	1070146	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2082	1													2019		
01	1070146	*MUS2082-2021.01			0	Nguyễn Thành Vinh	11-12, D							20/12/2021				K15D_SPAN	2020
02	1070146	*MUS2082-2021.02			0	Nguyễn Thành Vinh	11-12, D							20/12/2021				K15A_SPAN	2020
03	1070146	*MUS2082-2021.03			0	Phạm Hồng Phương	11-12, D							20/12/2021				K15A_SPAN	2020
04	1070146	*MUS2082-2021.04			0	Phạm Hồng Phương	11-12, D							20/12/2021				K15A_SPAN	2020
05	1070146	*MUS2082-2021.05			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm		5-6, D						20/12/2021				K15A_SPAN	2020
06	1070146	*MUS2082-2021.06			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm		5-6, D						20/12/2021				K15A_SPAN	2020
07	1070146	*MUS2082-2021.07			0	Nguyễn Thị Thu Hương		5-6, D						20/12/2021				K15A_SPAN	2020
08	1070146	*MUS2082-2021.08			0	Nguyễn Quang Tùng			5-6, D					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
09	1070146	*MUS2082-2021.09			0	Nguyễn Quang Tùng			5-6, D					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
10	1070146	*MUS2082-2021.10			0	Phạm Hồng Phương			11-12, D					20/12/2021				K14D SPAN	2020
11	1070146	*MUS2082-2021.11			0	Phạm Hồng Phương			11-12, D					20/12/2021				K15E_SPAN	2020
12	1070146	*MUS2082-2021.12			0	Bùi Thị Diệu Minh				5-6, D				20/12/2021				K15B_SPAN	2020
13	1070146	*MUS2082-2021.13			0	Nguyễn Quang Tùng			13-13, D QT					20/12/2021				K14A SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
14	1070146	*MUS2082-2021.14			0	Nguyễn Thành Vinh					5-6, D			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
15	1070146	*MUS2082-2021.15			0	Bùi Thị Diệu Minh				13-13, DDM				20/12/2021				K15C_SPAN	2020
16	1070146	*MUS2082-2021.16			0	Nguyễn Quang Tùng				11-12, D				20/12/2021				K14C SPAN	2020
17	1070146	*MUS2082-2021.17			0	Nguyễn Quang Tùng				11-12, D				20/12/2021				K14D SPAN	2020
18	1070146	*MUS2082-2021.18			0	Nguyễn Nguyệt Cầm					5-6, D			20/12/2021				K14D SPAN	2020
19	1070146	*MUS2082-2021.19			0	Nguyễn Nguyệt Cầm					5-6, D			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
20	1070146	*MUS2082-2021.20			0	Khuất Duy Nhã					5-6, D			20/12/2021				K14C SPAN	2020
21	1070146	*MUS2082-2021.21			0	Khuất Duy Nhã					5-6, D			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
22	1070146	*MUS2082-2021.22			0	Nguyễn Quang Tùng					11-12, D			20/12/2021				K14C SPAN	2020
23	1070146	*MUS2082-2021.23			0	Nguyễn Quang Tùng					11-12, D			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
24	1070146	*MUS2082-2021.24			0	Khuất Duy Nhã					11-12, D			20/12/2021				K15B_SPAN	2020
25	1070146	*MUS2082-2021.25			0	Khuất Duy Nhã					11-12, D			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
26	1070146	*MUS2082-2021.26			0	Đào Văn Thực			13-14, D					20/12/2021				K14B SPAN	2020
	1130002	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	POL2002	3	50												2* NL2		
01	1130002	POL2002-2021.01			50	Nguyễn Thị Huyền							1-5, D301						2018
	1170033	Phần mềm Macromedia Flash	GRD2030	2	126												6_TKDH_M4_TC		
02	1170033	GRD2030-2021.02			14	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					21/02/2022	27/03/2022			K10A TKĐH	2018
03	1170033	GRD2030-2021.03			14	Nguyễn Thanh Huyền	1-4, E406		1-4, E406					21/02/2022	27/03/2022			K10A TKĐH	2018
04	1170033	GRD2030-2021.04			14	Nguyễn Duy Hùng	1-4, E406		1-4, E406					21/02/2022	27/03/2022			K10A TKĐH	2018
05	1170033	GRD2030-2021.05			14	Tổng Việt Anh	7-10, E406		7-10, E406					21/02/2022	27/03/2022			K9B_TKĐH	2018
06	1170033	GRD2030-2021.06			14	Nguyễn Thanh Huyền	7-10, E406		7-10, E406					21/02/2022	27/03/2022			K9C_TKĐH	2018
07	1170033	GRD2030-2021.07			14	Nguyễn Duy Hùng	7-10, E406		7-10, E406					21/02/2022	27/03/2022			K9A_TKĐH	2018
08	1170033	GRD2030-2021.08			14	Tổng Việt Anh				1-4, E406		1-4, E406		21/02/2022	27/03/2022			K10A TKĐH	2018
09	1170033	GRD2030-2021.09			14	Nguyễn Thanh Huyền				1-4, E406		1-4, E406		21/02/2022	27/03/2022			K9B_TKĐH	2018
10	1170033	GRD2030-2021.10			14	Nguyễn Duy Hùng				1-4, E406		1-4, E406		21/02/2022	27/03/2022			K10A TKĐH	2018
	1070027	Phân tích tác phẩm 1	MUS2024	2	290												4*MUS2024		
02	1070027	MUS2024-2021.02			42	Nguyễn Khải	1-5, D305							20/12/2021	20/03/2022			K13D SPAN	2020
03	1070027	MUS2024-2021.03			42	Trần Thị Thanh Hương	7-11, E306							20/12/2021	20/03/2022			K14C SPAN	2020
04	1070027	MUS2024-2021.04			41	Nguyễn Khải		1-5, D304						20/12/2021	20/03/2022			K12A_SPAN	2020
05	1070027	MUS2024-2021.05			41	Phạm Thu Hường		7-11, E306						20/12/2021	20/03/2022			K14D SPAN	2020
06	1070027	MUS2024-2021.06			41	Phạm Thu Hường			1-5, D304					20/12/2021	20/03/2022			K14C SPAN	2020
07	1070027	MUS2024-2021.07			41	Đỗ Thị Thanh Nhân				1-5, D1				20/12/2021	20/03/2022			K14A SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
08	1070027	MUS2024-2021.08			42	Nguyễn Thành Vinh					1-5, D3			20/12/2021	20/03/2022			K12D_SPAN	2020
	1070009	Phân tích tác phẩm 2	MUS2079	3	1												2019		
07	1070009	MUS2079-2021.07			1	Phạm Thu Hường				13-17, D3 Ghep				20/12/2021				K14A SPAN	2019
	1070036	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	1												5*MUS2025		
03	1070036	MUS2025-2021.03			1	Phạm Thu Hường				13-17, D3 Ghep				20/12/2021				K5 Piano	2019
	1070043	Phân tích tác phẩm 3	MUS2026	2	1												6*MUS2026		
03	1070043	MUS2026-2021.03			1	Phạm Thu Hường				13-17, D3				20/12/2021				K11D_SPAN	2019
	1080124	Phân tích tác phẩm văn học (Kịch - điện ảnh)	CLM2085	3	30														
01	1080124	CLM2085-2021.01			30	Hà Thị Thu Hà		1-5, NA401						20/12/2021	27/02/2022			K3 DVK	2019
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	275												1* Chung DH&CD		
01	1130007	POL2007-2021.01			55	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1-5, E301						28/02/2022	24/04/2022			K14_TKTT	2019
08	1130007	POL2007-2021.08			55	Nguyễn Thị Thanh Thủy			1-5, E301					28/02/2022	24/04/2022			K14_TKTT	2019
09	1130007	POL2007-2021.09			55	Lê Thị Nguyên			7-11, E301					28/02/2022	24/04/2022			K14A SPAN	2019
10	1130007	POL2007-2021.10			55	Lê Thị Nguyên				7-11, E301				28/02/2022	24/04/2022			K14_TKTT	2019
11	1130007	POL2007-2021.11			55	Lê Thị Nguyên					7-11, E301			28/02/2022	24/04/2022			K12 TKTT	2019
	1080183	Pháp luật du lịch	CLM2107	2	50												DL		
01	1080183	CLM2107-2021.01			50	Nguyễn Thị Thanh Thủy			1-5, E305					20/12/2021	27/02/2022			K1 Du lịch	2020
	1080043	Phát triển văn hóa cộng đồng	CLM2044	2	60												6_QLVH_M4_TC		
01	1080043	CLM2044-2021.01			60	Nông Thị Thanh Thuý		7-11, E506						20/12/2021	10/04/2022			K11 QLVH	2019
	1070073	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	281												2018		
03	1070073	MUS2065-2021.03			35	Mai Linh Chi	1-5, D1							20/12/2021	20/03/2022			K13A SPAN	2020
04	1070073	MUS2065-2021.04			35	Nguyễn Thị Tố Mai		7-11, E306						20/12/2021	20/03/2022			K13D SPAN	2020
05	1070073	MUS2065-2021.05			35	Nguyễn Thị Phương Mai			1-5, D305					20/12/2021	20/03/2022			K13B SPAN	2020
06	1070073	MUS2065-2021.06			36	Đoàn Thị Thu Hà				1-5, D305				20/12/2021	20/03/2022			K13B SPAN	2020
07	1070073	MUS2065-2021.07			35	Nguyễn Thị Tố Mai				7-11, E306				20/12/2021	20/03/2022			K13A SPAN	2020
08	1070073	MUS2065-2021.08			35	Đoàn Thị Thu Hà					13-17, D2			20/12/2021	20/03/2022	Huy		K15D_SPAN	2020
09	1070073	MUS2065-2021.09			35	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, D305			20/12/2021	20/03/2022			K13A SPAN	2020
10	1070073	MUS2065-2021.10			35	Đoàn Thị Thu Hà						1-5, D1		20/12/2021	20/03/2022			K14D SPAN	2020
	1070039	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2032	2	10												5*MUS2032		
01	1070039	MUS2032-2021.01			10	Đoàn Thị Thu Hà					13-17, D2 (ghep)			20/12/2021	20/03/2022			K12A_SPAN	2017
	1060108	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	FAE2095	2	100												2019		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1060108	FAE2095-2021.01			50	Trần Thị Vân					7-11, E506			20/12/2021	13/03/2022	K15 MT		K14 SPMT	2020
02	1060108	FAE2095-2021.02			50	Trần Thị Vân						1-5, LT1-40	1-5, LT1-40			K12 LT		K12 CDLT_SPMT trong truong	2020
03	1060108	FAE2095-2021.03			0	Trần Thị Vân						1-5, LT80-119	1-5, LT80-119			Moi mo			2020
04	1060108	FAE2095-2021.04			0	Trần Thị Vân						1-5, LT41-79	1-5, LT41-79			Moi mo			2020
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	385												1* Dang dung		
09	1140019	PPE2008-2021.09			55	Lương Thị Thanh Hải		1-5, E503						20/12/2021	06/03/2022			K12 TKTT	2019
10	1140019	PPE2008-2021.10			55	Lương Thị Thanh Hải			1-5, E306					20/12/2021	06/03/2022			K4_CNM	2019
11	1140019	PPE2008-2021.11			55	Lương Thị Thanh Hải				1-5, E306				20/12/2021	06/03/2022			K13 SPMT	2019
12	1140019	PPE2008-2021.12			55	Đỗ Ánh Tuyết		1-5, E101						20/12/2021	06/03/2022			K14_TKTT	2019
13	1140019	PPE2008-2021.13			55	Đỗ Ánh Tuyết			7-11, E405					20/12/2021	06/03/2022			K13 TKTT	2019
14	1140019	PPE2008-2021.14			55	Lương Thị Thanh Hải					1-5, E301			20/12/2021	06/03/2022			K13 TKTT	2019
15	1140019	PPE2008-2021.15			55	Đỗ Ánh Tuyết				7-11, E405				20/12/2021	06/03/2022			K14B SPAN	2019
	1080083	Phương pháp sân khấu truyền thống	CLM2056	2	80												DVK		
02	1080083	CLM2056-2021.02			30	Ng.Thuý Hường	7-11, NA401							10/01/2022		K7DVK		K6 DVK	2021
03	1080083	CLM2056-2021.03			30	Ng.Thuý Hường						7-11, NA401		10/01/2022					2021
04	1080083	CLM2056-2021.04			20	Ng.Thuý Hường				1-5, E502				10/01/2022				K7B DVK	2021
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1	1												Dang dung		
03	1100065	PIA2023-2021.03			0	Trần Vương Thanh		3-4, D						10/01/2022				K9 TN	2021
04	1100065	PIA2023-2021.04			0	Vũ Thanh Xuân			9-10, D					10/01/2022				K9 TN	2021
05	1100065	PIA2023-2021.05			0	Ngô Thị Việt Anh					3-4, D			10/01/2022				K9 TN	2021
06	1100065	PIA2023-2021.06			0	Trần Hoài Sơn		9-10, D						10/01/2022				K9 TN	2021
07	1100065	PIA2023-2021.07			0	Dương Vũ Bình Minh			3-4, D					10/01/2022				K9 TN	2021
08	1100065	PIA2023-2021.08			0	Hoàng Thị Trà Mi			9-10, D					10/01/2022				K9 TN	2021
09	1100065	PIA2023-2021.09			0	Vũ Thùy Linh (xoa)		3-4, D						10/01/2022				K9 TN	2021
10	1100065	PIA2023-2021.10			0	Lương Diệu Ánh					9-10, D			10/01/2022				K9 TN	2021
11	1100065	PIA2023-2021.11			0	Trần Hoài Sơn	3-4, D							10/01/2022				K9 TN	2021
12	1100065	PIA2023-2021.12			0	Vũ Thanh Xuân			9-10, D					10/01/2022					2021
13	1100065	PIA2023-2021.13			0	Dương Vũ Bình Minh	3-4, D							10/01/2022				K7A TN	2021
14	1100065	PIA2023-2021.14			0	Trần Vương Thanh		3-4, D						10/01/2022				K9 TN	2021
15	1100065	PIA2023-2021.15			0	Mai Linh Chi					3-4, D			10/01/2022				K9 TN	2021
16	1100065	PIA2023-2021.16			0	Trần Hoài Sơn		9-10, D						10/01/2022				K9 TN	2021
17	1100065	PIA2023-2021.17			0	Hoàng Thị Trà Mi		9-10, D						10/01/2022				K9 TN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
18	1100065	PIA2023-2021.18			0	Hoàng Thị Trà Mi			9-10, D					10/01/2022				K9 TN	2021
19	1100065	PIA2023-2021.19			0	Lương Đức Giang				3-4, D				10/01/2022				K9 TN	2021
20	1100065	PIA2023-2021.20			0	Lương Diệu Ánh					9-10, D			10/01/2022				K9 TN	2021
21	1100065	PIA2023-2021.21			1	Hoàng Thị Trà Mi					9-10, D			10/01/2022				K7B TN	2021
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1	4												Đang dùng		
05	1100085	PIA2024-2021.05			1	Lương Diệu Ánh	7-8, D							20/12/2021				K8 TN	2020
16	1100085	PIA2024-2021.16			1	Vũ Thị Thùy Linh		7-8, D						20/12/2021				K4B_TN	2020
17	1100085	PIA2024-2021.17			1	Hoàng Thị Trà Mi				1-2, D				20/12/2021				K8 TN	2020
18	1100085	PIA2024-2021.18			1	Hoàng Thị Trà Mi			7-8, D									K8 TN	2020
	1190002	Piano CN 1.2	PIA2003	2															
03	1190002	PIA2003-2021.03			0	Đinh Công Hải	1-2, D		1-2, D									K7 Piano	2021
04	1190002	PIA2003-2021.04			0	Hà Cẩm Vân		1-2, D			7-8, D								2021
05	1190002	PIA2003-2021.05			0	Lê Nam					1-2, D		1-2, D					K7 Piano	2021
06	1190002	PIA2003-2021.06			0	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D			7-8, D								K7 Piano	2021
07	1190002	PIA2003-2021.07			0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-8, D			7-8, D							K7 Piano	2021
08	1190002	PIA2003-2021.08			0	Phạm Hoàng Lê			1-2, D		1-2, D							K7 Piano	2021
09	1190002	PIA2003-2021.09			0	Đoàn Lê Phan Anh	1-2, D				1-2, D							K7 Piano	2021
10	1190002	PIA2003-2021.10			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-2, D		1-2, D									K7 Piano	2021
11	1190002	PIA2003-2021.11			0	Trần Hà Mi	7-8, D				7-8, D							K7 Piano	2021
12	1190002	PIA2003-2021.12			0	Đinh Thu Hương	1-2, D		1-2, D									K7 Piano	2021
13	1190002	PIA2003-2021.13			0	Nguyễn Kiều Anh		7-8, D			7-8, D							K7 Piano	2021
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2	8														
10	1190003	PIA2004-2021.10			2	Hà Cẩm Vân		1-2, D			1-2, D			20/12/2021				K6 Piano	2020
13	1190003	PIA2004-2021.13			2	Trần Hà Mi	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K6 Piano	2020
14	1190003	PIA2004-2021.14			2									20/12/2021					2020
15	1190003	PIA2004-2021.15			2	Bùi Đăng Khánh	7-8, D			7-8, D				20/12/2021				K6 Piano	2020
	1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2															
07	1190004	PIA2004-2021.07			0	Đinh Công Hải	7-8, D		1-2, D					20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
08	1190004	PIA2004-2021.08			0	Hà Cẩm Vân		1-2, D			1-2, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
09	1190004	PIA2004-2021.09			0	Lê Nam		7-8, D			7-8, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
10	1190004	PIA2004-2021.10			0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D			1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
11	1190004	PIA2004-2021.11			0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
12	1190004	PIA2004-2021.12			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D		1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
13	1190004	PIA2004-2021.13			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D		1-2, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
14	1190004	PIA2004-2021.14			0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-8, D			7-8, D			20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
15	1190004	PIA2004-2021.15			0	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			20/12/2021	17/04/2022				2020
16	1190004	PIA2004-2021.16			0	Bùi Đăng Khánh	7-8, D			7-8, D				20/12/2021	17/04/2022			K6 Piano	2020
17	1190004	PIA2004-2021.17			0	Đinh Công Hải	7-8, D		7-8, D					20/12/2021	17/04/2022				2020
	1190005	Piano CN 3.1	PIA2005	2	5														
10	1190005	PIA2005-2021.10			1	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				20/12/2021				K5 Piano	2019
11	1190005	PIA2005-2021.11			1	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D		1-2, D			20/12/2021				K3 Piano	2019
12	1190005	PIA2005-2021.12			1	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-9, D			7-9, D			20/12/2021				K5 Piano	2019
13	1190005	PIA2005-2021.13			1	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-2, D				1-2, D			20/12/2021				K5 Piano	2019
14	1190005	PIA2005-2021.14			1									20/12/2021					2019
	1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2	1														
05	1190006	PIA2005-2021.05			0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
06	1190006	PIA2005-2021.06			0	Hà Cẩm Vân		1-2, D			1-2, D			20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
07	1190006	PIA2005-2021.07			0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-9, D			7-9, D			20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
08	1190006	PIA2005-2021.08			0	Bùi Đăng Khánh	7-9, D		7-9, D					20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
09	1190006	PIA2005-2021.09			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D		1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
10	1190006	PIA2005-2021.10			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D		1-2, D			20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
11	1190006	PIA2005-2021.11			0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D			1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K5 Piano	2019
12	1190006	PIA2005-2021.12			1	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			20/12/2021				K2 _Piano	2019
	1190007	Piano CN 4.1	PIA2006	2	1														
11	1190007	PIA2006-2021.11			1	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D		1-2, D			20/12/2021				K4 Piano	2019
	1190008	Piano CN 4.2	PIA2006	2	1														
01	1190008	PIA2006-2021.01			0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-8, D					20/12/2021	17/04/2022			K4 Piano	2018
02	1190008	PIA2006-2021.02			0	Lê Nam		7-8, D			7-8, D			20/12/2021	17/04/2022			K3 Piano	2018
03	1190008	PIA2006-2021.03			0	Hà Cẩm Vân		7-8, D			7-8, D			20/12/2021	17/04/2022			K4 Piano	2018
04	1190008	PIA2006-2021.04			0	Đinh Thu Hương	1-2, D		7-8, D					20/12/2021	17/04/2022				2018
05	1190008	PIA2006-2021.05			0	Bùi Đăng Khánh	7-8, D		7-8, D					20/12/2021	17/04/2022				2018
06	1190008	PIA2006-2021.06			0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D			1-2, D				20/12/2021	17/04/2022			K2 _Piano	2018
07	1190008	PIA2006-2021.07			0	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			20/12/2021	17/04/2022			K1 _Piano	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
08	1190008	PIA2006-2021.08			1	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-8, D			7-8, D			20/12/2021				K2_Piano	2018
	1080041	Quan hệ công chúng	CLM2042	2	50												7_QLVH_M4_TC		
01	1080041	CLM2042-2021.01			50	Ng. Thị Thanh Mai				1-5, E506				20/12/2021	10/04/2022			K12 QLVH	2019
	1080026	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	70												4_QLVH_M4		
02	1080026	CLM2023-2021.02			70	Lý Minh Huệ					7-11, E505			20/12/2021	10/04/2022			K12 QLVH	2020
	1080025	Quản lý hoạt động quảng cáo	CLM2022	2	70												4_QLVH_M4		
01	1080025	CLM2022-2021.01			70	Nguyễn Thị Phương Thanh					1-5, E501			20/12/2021	10/04/2022			K11 QLVH	2020
	1080021	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 2	CLM2018	3	70												4_QLVH_M4		
01	1080021	CLM2018-2021.01			70	Đào Thị Thùy Tiên	1-5, E503							20/12/2021	10/04/2022			K11 QLVH	2020
	1080022	Quản trị dịch vụ văn hóa	CLM2019	2	50												6_QLVH_M4		
01	1080022	CLM2019-2021.01			50	Đào Thị Thùy Tiên					7-11, E503			20/12/2021	27/03/2022			K12 QLVH	2019
	1080194	Quản trị khách sạn	CLM2118	2	50												DL		
01	1080194	CLM2118-2021.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh					7-11, E501			20/12/2021	27/03/2022			K1 Du lịch	2020
	1080193	Quản trị kinh doanh lữ hành	CLM2117	3	50												DL		
01	1080193	CLM2117-2021.01			50	Vũ Văn Cường	1-5, E506							20/12/2021	27/03/2022			K1 Du lịch	2020
	1080119	Quy trình sản xuất film	CLM2081	2	35														
01	1080119	CLM2081-2021.01			35	Nguyễn Tuấn Anh					1-5, NA401			20/12/2021		K6DVK		K6 DVK	2020
	1070047	Sáng tác	MUS2012	2	90												MUS2012		
06	1070047	MUS2012-2021.06			30	Lại Hồng Phong					13-17, D			20/12/2021				K4 AN MN	2018
07	1070047	MUS2012-2021.07			60	Lương Minh Tân						1-5, D							2020
	1060086	Sáng tác mỹ thuật (HP tốt nghiệp)	FAE2031	7	10												ĐH HH		
01	1060086	FAE2031-2021.01			10							1-2, HPTN							2017
	1060067	Sáng tác Mỹ thuật (HP tốt nghiệp)	FAE2020	6	200												FAE2020		
01	1060067	FAE2020-2021.01			200							3-4, HPTN				K13 SPMT			2018
	1020005	Sáng tác phụ trang	FAD2038	2	45														
01	1020005	FAD2038-2021.01			15	Bùi Thị Nam		7-11, E						27/12/2021	20/03/2022			K12 TKTT	2019
02	1020005	FAD2038-2021.02			15	Hoàng Thắng		7-11, E						27/12/2021	20/03/2022			K12 TKTT	2019
03	1020005	FAD2038-2021.03			15	Nguyễn Hải Hà		7-11, E						27/12/2021	20/03/2022			K13 TKTT	2019
	1170006	Sáng tác thiết kế 2	GRD2024	3	180												2_TKDH_M4		
01	1170006	GRD2024-2021.01			12	Nguyễn Quang Huy	7-8, E601		7-8, E601					10/01/2022	17/04/2022			K12_B_TKDH	2021
02	1170006	GRD2024-2021.02			12	Phạm Minh Phong	7-8, E601		7-8, E601					10/01/2022	17/04/2022			K12_C_TKDH	2021
03	1170006	GRD2024-2021.03			12	Nguyễn Mai Thơ	7-8, E601		7-8, E601					10/01/2022	17/04/2022			K12_A_TKDH	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
04	1170006	GRD2024-2021.04			12	Nông Thị Thu Trang	7-8, E601		7-8, E601					10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
05	1170006	GRD2024-2021.05			12	Nông Thị Thu Trang				7-8, E601		7-8, E601		10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
06	1170006	GRD2024-2021.06			12	Nguyễn Quang Huy				7-8, E601		7-8, E601		10/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
07	1170006	GRD2024-2021.07			12	Ng.Hoài Phương Anh				7-8, E601		7-8, E601		10/01/2022	17/04/2022				2021
08	1170006	GRD2024-2021.08			12	Nguyễn Quang Huy	9-10, E601		9-10, E601					17/01/2022	17/04/2022			K12_D_TKDH	2021
09	1170006	GRD2024-2021.09			12	Trần Thanh Nga	9-10, E601		9-10, E601					17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
10	1170006	GRD2024-2021.10			12	Nguyễn Mai Thơ	9-10, E601		9-10, E601					17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
11	1170006	GRD2024-2021.11			12	Nông Thị Thu Trang	9-10, E601		9-10, E601					17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
12	1170006	GRD2024-2021.12			12	Nguyễn Quang Huy				9-10, E601		9-10, E601		17/01/2022	17/04/2022			K12_D_TKDH	2021
13	1170006	GRD2024-2021.13			12	Nông Thị Thu Trang				9-10, E601		9-10, E601		17/01/2022	17/04/2022			K12_C_TKDH	2021
14	1170006	GRD2024-2021.14			12					9-10, E601		9-10, E601		17/01/2022	17/04/2022	Huy			2021
15	1170006	GRD2024-2021.15			12	Quách Thị Ngọc An				9-10, E601		9-10, E601		17/01/2022	17/04/2022			K13A_TKDH	2021
	1170029	Sáng tác thiết kế 4	GRD2026	3	168												4_TKDH_TH		
01	1170029	GRD2026-2021.01			14	Nguyễn Đức Lâm	1-2, E601		1-2, E601					20/12/2021	24/04/2022			K11 C TKDH	2020
02	1170029	GRD2026-2021.02			14	Nguyễn Mai Thơ	1-2, E601		1-2, E601					20/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
03	1170029	GRD2026-2021.03			14	Nông Thị Thu Trang	1-2, E601		1-2, E601					20/12/2021	24/04/2022			K11 A TKDH	2020
04	1170029	GRD2026-2021.04			14	Nguyễn Đức Lâm				1-2, E601		1-2, E601		20/12/2021	24/04/2022			K10B TKĐH	2020
05	1170029	GRD2026-2021.05			14	Nông Thị Thu Trang				1-2, E601		1-2, E601		20/12/2021	24/04/2022			K11 B TKDH	2020
06	1170029	GRD2026-2021.06			14	Phạm Minh Phong				1-2, E601		1-2, E601		20/12/2021	24/04/2022			K10A TKĐH	2020
07	1170029	GRD2026-2021.07			14	Nguyễn Đức Lâm	3-4, E601		3-4, E601					27/12/2021	24/04/2022			K10B TKĐH	2020
08	1170029	GRD2026-2021.08			14	Nguyễn Mai Thơ	3-4, E601		3-4, E601					27/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
09	1170029	GRD2026-2021.09			14	Phạm Minh Phong	3-4, E601		3-4, E601					27/12/2021	24/04/2022			K11 B TKDH	2020
10	1170029	GRD2026-2021.10			14	Nông Thị Thu Trang				3-4, E601		3-4, E601		27/12/2021	24/04/2022			K11 A TKDH	2020
11	1170029	GRD2026-2021.11			14	Nguyễn Đức Lâm				3-4, E601		3-4, E601		27/12/2021	24/04/2022			K11 A TKDH	2020
12	1170029	GRD2026-2021.12			14	Trần Thanh Nga				3-4, E601		3-4, E601		27/12/2021	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
	1170051	Sáng tác thiết kế 6	GRD2046	3	143														
01	1170051	GRD2046-2021.01			13	Nguyễn Thị Hải Yến	7-8, E603		7-8, E603					20/12/2021	10/04/2022			K9A_TKĐH	2019
02	1170051	GRD2046-2021.02			13	Vũ Minh Hoàng	7-8, E603		7-8, E603					20/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
03	1170051	GRD2046-2021.03			13	Ng.Hoài Phương Anh	7-8, E603		7-8, E603					20/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
04	1170051	GRD2046-2021.04			13	Lò Mai Trang				7-8, E603		7-8, E603		20/12/2021	10/04/2022			K9A_TKĐH	2019
05	1170051	GRD2046-2021.05			13	Ng.Hoài Phương Anh				7-8, E603		7-8, E603		20/12/2021	10/04/2022				2019
06	1170051	GRD2046-2021.06			13	Vũ Minh Hoàng	9-10, E603		9-10, E603					27/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
07	1170051	GRD2046-2021.07			13	Nguyễn Thị Hải Yến	9-10, E603		9-10, E603					27/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
08	1170051	GRD2046-2021.08			13	Phạm Phương Linh	9-10, E603		9-10, E603					27/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
09	1170051	GRD2046-2021.09			13	Lò Mai Trang				9-10, E603		9-10, E603		27/12/2021	10/04/2022			K9B_TKĐH	2019
10	1170051	GRD2046-2021.10			13	Nguyễn Văn Hiến				9-10, E603		9-10, E603		27/12/2021	10/04/2022			K9B_TKĐH	2019
11	1170051	GRD2046-2021.11			13	Nguyễn Trần Thế Hiệp				9-10, E603		9-10, E603		27/12/2021	10/04/2022			K11 A TKDH	2019
	1170031	Sáng tác thiết kế 6	GRD2028	4	1												8_TKDH_M4		
01	1170031	GRD2028-2021.01			1	Phạm Phương Linh	9-10, E603 ghep		9-10, E603 ghep					27/12/2021	10/04/2022			K8B_TKĐH	2018
	1140023	Tâm bệnh học	PPE2015	2	10												2*		
01	1140023	PPE2015-2021.01			10	Nguyễn Quỳnh Trang				1-5, C21				20/12/2021	27/02/2022			K5 SPAN MN	2019
	1140006	Tâm lý học Nghệ thuật	PPE2004	2	250												2* Tam_ly giao duc		
01	1140006	PPE2004-2021.01			50	Nguyễn Mai Hương		1-5, E507						20/12/2021	27/02/2022				2019
02	1140006	PPE2004-2021.02			50	Nguyễn Mai Hương		7-11, E507						20/12/2021	27/02/2022			K14A SPAN	2019
03	1140006	PPE2004-2021.03			50	Nguyễn Mai Hương			1-5, E506					20/12/2021	27/02/2022			K14A SPAN	2019
04	1140006	PPE2004-2021.04			50	Nguyễn Mai Hương			7-11, E506					20/12/2021	27/02/2022			K14B SPAN	2019
05	1140006	PPE2004-2021.05			50	Nguyễn Mai Hương	7-11, E506							20/12/2021	27/02/2022			K4 HH	2019
	1080222	Tâm lý học phát triển và xã hội	CLM2202	2	30												CTXH		
01	1080222	CLM2202-2021.01			30	Phạm Thanh Bình				7-11, E401				10/01/2022	17/04/2022			K1 CTXH	2021
	1020028	Tạo mẫu trang phục 1	FAD2024	3	112														
01	1020028	FAD2024-2021.01			14	Hoàng Thị Oanh	7-11, E							10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
02	1020028	FAD2024-2021.02			14	Ng.Thị Bích Liên	7-11, E							10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
03	1020028	FAD2024-2021.03			14	Nguyễn Huyền Trang	7-11, E							10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
04	1020028	FAD2024-2021.04			14	Lê Phương Anh		7-11, E						10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
05	1020028	FAD2024-2021.05			14	Trần Việt Hùng		7-11, E						10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
06	1020028	FAD2024-2021.06			14	Lê Phương Anh			7-11, E					10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
07	1020028	FAD2024-2021.07			14	Trần Việt Hùng			7-11, E					10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
08	1020028	FAD2024-2021.08			14	Đỗ Thu Huyền			7-11, E					10/01/2022	01/05/2022			K15A_TKTT	2021
	1020030	Tạo mẫu trang phục 3	FAD2026	3	56														
01	1020030	FAD2026-2021.01			14	Hoàng Thị Oanh		1-5, E						27/12/2021	17/04/2022			K13 TKTT	2020
02	1020030	FAD2026-2021.02			14	Ng.Thị Bích Liên		1-5, E						27/12/2021	17/04/2022			K13 TKTT	2020
03	1020030	FAD2026-2021.03			14	Lê Nguyễn Kiều Trang	1-5, E							27/12/2021	17/04/2022			K14_TKTT	2020
04	1020030	FAD2026-2021.04			14	Lê Phương Anh	1-5, E							27/12/2021	17/04/2022			K12 TKTT	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
	1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	45														
06	1020014	FAD2028-2021.06			15	Hoàng Thị Oanh					7-11, E			27/12/2021	17/04/2022			K13 TKTT	2019
07	1020014	FAD2028-2021.07			15	Ng. Thị Bích Liên					7-11, E			27/12/2021	17/04/2022			K12 TKTT	2019
08	1020014	FAD2028-2021.08			15	Lê Nguyễn Kiều Trang					7-11, E			27/12/2021	17/04/2022			K13 TKTT	2019
	1200049	Tạo mẫu trang phục nâng cao	DGI2048	3	20														
01	1200049	DGI2048-2021.01			20	Trần Việt Hùng					7-11, E			27/12/2021	20/03/2022			K3 CNM	2020
	1080235	Tham vấn	CLM2214	2	25												CTXH		
01	1080235	CLM2214-2021.01			25	Phạm Thanh Bình				1-5, E503				20/12/2021	27/03/2022			K1 CTXH	2020
	1100005	Thanh nhạc 1	*VMU2002	1													SPAN		
01	1100005	*VMU2002-2021.01			0	Ngô Quốc Khánh		1-2, D Kcopy						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
02	1100005	*VMU2002-2021.02			0	Trịnh Phương		1-2, D						10/01/2022				K15G_SPAN	2021
03	1100005	*VMU2002-2021.03			0	Trần Thị Thảo		7-8, D Kcopy						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
04	1100005	*VMU2002-2021.04			0	Ngô Đức		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
05	1100005	*VMU2002-2021.05			0	Ngân Thị Thương		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
06	1100005	*VMU2002-2021.06			0	Nguyễn Chí Công		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
07	1100005	*VMU2002-2021.07			0	Đàm Minh Hưng		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
08	1100005	*VMU2002-2021.08			0	Ánh Phương		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
09	1100005	*VMU2002-2021.09			0	Nguyễn Hồng Hạnh		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
10	1100005	*VMU2002-2021.10			0	Nguyễn Duy Phúc		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
11	1100005	*VMU2002-2021.11			0	Trần Bá Thành		7-8, D						10/01/2022				K16A_SPAN	2021
12	1100005	*VMU2002-2021.12			0	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						10/01/2022				K16B_SPAN	2021
13	1100005	*VMU2002-2021.13			0	Nguyễn Thanh Duyên		7-8, D						10/01/2022				K16B_SPAN	2021
14	1100005	*VMU2002-2021.14			0	Trịnh Phương		7-8, D						10/01/2022				K16B_SPAN	2021
15	1100005	*VMU2002-2021.15			0	Nguyễn Thu Hằng			1-2, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
16	1100005	*VMU2002-2021.16			0	Hoàng Quốc Tuấn			7-8, D					10/01/2022				K15G_SPAN	2021
17	1100005	*VMU2002-2021.17			0	Hà Thị Lý			7-8, D					10/01/2022				K15G_SPAN	2021
18	1100005	*VMU2002-2021.18			0	Thu Huyền			7-8, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
19	1100005	*VMU2002-2021.19			0	Ánh Phương			7-8, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
20	1100005	*VMU2002-2021.20			0	Hương Giang			7-8, D					10/01/2022				K16B_SPAN	2021
21	1100005	*VMU2002-2021.21			0	Nguyễn Thu Hằng			7-8, D					10/01/2022				K16C_SPAN	2021
22	1100005	*VMU2002-2021.22			0	Hương Giang				1-2, D Kcopy				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
23	1100005	*VMU2002-2021.23			0	Nguyễn Thanh Duyên				1-2, D				10/01/2022				K16C_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
24	1100005	*VMU2002-2021.24			0	Nguyễn Thúy Hà				1-2, D				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
25	1100005	*VMU2002-2021.25			0	Nguyễn Hồng Hạnh				1-2, D				10/01/2022				K16C_SPAN	2021
26	1100005	*VMU2002-2021.26			0	Nguyễn Phương Thảo				1-2, D				10/01/2022				K12D_SPAN	2021
27	1100005	*VMU2002-2021.27			0	Bùi Thanh Tuyền				1-2, D				10/01/2022				K16A_SPAN	2021
28	1100005	*VMU2002-2021.28			0	Trần Thị Thảo					7-8, D Kcopy			10/01/2022				K15D_SPAN	2021
29	1100005	*VMU2002-2021.29			0	Ngô Đức					7-8, D			10/01/2022				K16C_SPAN	2021
30	1100005	*VMU2002-2021.30			0	Nguyễn Duy Phúc					7-8, D			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
31	1100005	*VMU2002-2021.31			0	Nguyễn Chí Công					7-8, D			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
32	1100005	*VMU2002-2021.32			0	Vũ Thanh Thùy					7-8, D			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
33	1100005	*VMU2002-2021.33			0	Trần Mai Tuyết					7-8, D			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
34	1100005	*VMU2002-2021.34			0	Nguyễn Thu Hằng					7-8, D			10/01/2022				K16D_SPAN	2021
35	1100005	*VMU2002-2021.35			0	Đào Thị Khánh Chi						1-2, D		10/01/2022				K16C_SPAN	2021
36	1100005	*VMU2002-2021.36			0	Trần Bá Thành						1-2, D		10/01/2022				K16B_SPAN	2021
37	1100005	*VMU2002-2021.37			0	Nguyễn Thanh Duyên						1-2, D		10/01/2022				K16B_SPAN	2021
38	1100005	*VMU2002-2021.38			0	Lê Huy Hoàng						1-2, D		10/01/2022				K13B SPAN	2021
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1	2												2_ Thanh nhạc		
04	1100063	VMU2004-2021.04			0	Đỗ Hương Giang			7-8, D		1-2, D			10/01/2022				K9 TN	2021
05	1100063	VMU2004-2021.05			0	Đặng Thị Loan			7-8, D		1-2, D			10/01/2022				K9 TN	2021
06	1100063	VMU2004-2021.06			0	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			10/01/2022				K9 TN	2021
07	1100063	VMU2004-2021.07			0	Giáp Văn Thịnh		7-8, D				7-8, D		10/01/2022				K9 TN	2021
08	1100063	VMU2004-2021.08			0	Chu Thị Hoài Phương			1-2, D			7-8, D		10/01/2022				K9 TN	2021
09	1100063	VMU2004-2021.09			0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					10/01/2022				K9 TN	2021
10	1100063	VMU2004-2021.10			0	Phạm Mai Hiền Xuân	1-2, D				7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021
11	1100063	VMU2004-2021.11			0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D				7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021
12	1100063	VMU2004-2021.12			0	Nguyễn Thị Huyền	1-2, D				7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021
13	1100063	VMU2004-2021.13			0	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021
14	1100063	VMU2004-2021.14			0	Đoàn Thúy Trang	1-2, D				7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021
15	1100063	VMU2004-2021.15			0	Đàm Minh Hưng		1-2, D			1-2, D			10/01/2022				K9 TN	2021
16	1100063	VMU2004-2021.16			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				10/01/2022				K9 TN	2021
17	1100063	VMU2004-2021.17			0	Đào Tiến Lợi	1-2, D				1-2, D			10/01/2022				K9 TN	2021
18	1100063	VMU2004-2021.18			0	Bùi Thanh Tuyền		7-8, D		1-2, D				10/01/2022				K9 TN	2021
19	1100063	VMU2004-2021.19			0	Ngô Quốc Khánh		7-8, D			7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
20	1100063	VMU2004-2021.20			0	Tạ Thị Định			7-8, D		1-2, D			10/01/2022				K9 TN	2021
21	1100063	VMU2004-2021.21			0	Trần Tân Phương				1-2, D		1-2, D		10/01/2022				K9 TN	2021
22	1100063	VMU2004-2021.22			0	Trần Mai Tuyết	7-8, D				7-8, D			10/01/2022				K9 TN	2021
23	1100063	VMU2004-2021.23			0	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		1-2, D					10/01/2022				K9 TN	2021
24	1100063	VMU2004-2021.24			1	Chu Thị Hoài Phương			7-8, D			1-2, D		10/01/2022				K9 TN	2021
25	1100063	VMU2004-2021.25			1														2021
	1100068	Thanh nhạc 2	*VMU2003	1													4_SPAN		
01	1100068	*VMU2003-2021.01			0	Nguyễn Thúy Hà	7-8, D							20/12/2021				K12A_SPAN	2020
02	1100068	*VMU2003-2021.02			0	Trần Bá Thành	7-8, D							20/12/2021				K13B_SPAN	2020
03	1100068	*VMU2003-2021.03			0	Trần Thị Thảo	7-8, D							20/12/2021				K15A_SPAN	2020
04	1100068	*VMU2003-2021.04			0	Vũ Thanh Thủy	7-8, D							20/12/2021				K15B_SPAN	2020
05	1100068	*VMU2003-2021.05			0	Nguyễn Phương Thảo	7-8, D							20/12/2021				K13C_SPAN	2020
06	1100068	*VMU2003-2021.06			0	Trần Thị Thảo			1-2, D					20/12/2021				K15D_SPAN	2020
07	1100068	*VMU2003-2021.07			0	Đào Tiến Lợi			1-2, D					20/12/2021				K15A_SPAN	2020
08	1100068	*VMU2003-2021.08			0	Nguyễn Thị Huyền			1-2, D					20/12/2021				K14D_SPAN	2020
09	1100068	*VMU2003-2021.09			0	Vũ Thị Tươi			1-2, D					20/12/2021				K12A_SPAN	2020
10	1100068	*VMU2003-2021.10			0	Thu Huyền			1-2, D					20/12/2021				K15C_SPAN	2020
11	1100068	*VMU2003-2021.11			0	Bùi Thanh Tuyền			1-2, D					20/12/2021				K15D_SPAN	2020
12	1100068	*VMU2003-2021.12			0	Nguyễn Chí Công				7-8, D				20/12/2021				K15A_SPAN	2020
13	1100068	*VMU2003-2021.13			0	Đàm Minh Hưng				7-8, D				20/12/2021				K15E_SPAN	2020
14	1100068	*VMU2003-2021.14			0	Ngô Quốc Khánh				7-8, D				20/12/2021				K15A_SPAN	2020
15	1100068	*VMU2003-2021.15			0	Đào Thị Khánh Chi				7-8, D				20/12/2021				K13D_SPAN	2020
16	1100068	*VMU2003-2021.16			0	Trần Thị Thảo				7-8, D				20/12/2021				K14C_SPAN	2020
17	1100068	*VMU2003-2021.17			0	Nguyễn Thúy Hà				7-8, D				20/12/2021				K15A_SPAN	2020
18	1100068	*VMU2003-2021.18			0	Đặng Thị Lan				7-8, D				20/12/2021				K12D_SPAN	2020
19	1100068	*VMU2003-2021.19			0	Hà Thị Lý				7-8, D				20/12/2021				K15B_SPAN	2020
20	1100068	*VMU2003-2021.20			0	Ngân Thị Thương				7-8, D				20/12/2021				K13D_SPAN	2020
21	1100068	*VMU2003-2021.21			0	Vũ Thị Tươi				7-8, D				20/12/2021				K15A_SPAN	2020
22	1100068	*VMU2003-2021.22			0	Trần Mai Tuyết				7-8, D				20/12/2021				K15C_SPAN	2020
23	1100068	*VMU2003-2021.23			0	Nguyễn Thanh Duyên				7-8, D				20/12/2021				K14D_SPAN	2020
24	1100068	*VMU2003-2021.24			0	Nguyễn Thu Hằng				7-8, D				20/12/2021				K15C_SPAN	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
25	1100068	*VMU2003-2021.25			0	Nguyễn Phương Thảo					1-2, D			20/12/2021				K13C SPAN	2020
26	1100068	*VMU2003-2021.26			0	Trần Tân Phương					1-2, D			20/12/2021				K15D_SPAN	2020
27	1100068	*VMU2003-2021.27			0	Ngân Thị Thương					1-2, D			20/12/2021				K15A_SPAN	2020
28	1100068	*VMU2003-2021.28			0	Nguyễn Thị Huyền					1-2, D			20/12/2021				K13C SPAN	2020
29	1100068	*VMU2003-2021.29			0	Phạm Thị Thu Trang					1-2, D			20/12/2021				K15B_SPAN	2020
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1													DH TN		
11	1100040	VMU2005-2021.11			0	Đoàn Thúy Trang			1-2, D		3-4, D							K8 TN	2020
21	1100040	VMU2005-2021.21			0	Đỗ Hương Giang			9-10, D		3-4, D							K8 TN	2020
22	1100040	VMU2005-2021.22			0	Lê Minh Tuyền	9-10, D		9-10, D									K8 TN	2020
	1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1													8_TN_M4		
02	1100041	VMU2005-2021.02			0	Đỗ Hương Giang	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
03	1100041	VMU2005-2021.03			0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					20/12/2021				K8 TN	2020
04	1100041	VMU2005-2021.04			0	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		7-8, D		20/12/2021				K8 TN	2020
05	1100041	VMU2005-2021.05			0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
06	1100041	VMU2005-2021.06			0	Nguyễn Mai Hương	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
07	1100041	VMU2005-2021.07			0	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
08	1100041	VMU2005-2021.08			0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					20/12/2021				K8 TN	2020
09	1100041	VMU2005-2021.09			0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			20/12/2021				K8 TN	2020
10	1100041	VMU2005-2021.10			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
11	1100041	VMU2005-2021.11			0	Đoàn Thúy Trang			1-2, D		1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
12	1100041	VMU2005-2021.12			0	Lê Thị Tình	7-8, D		1-2, D					20/12/2021				K8 TN	2020
13	1100041	VMU2005-2021.13			0	Đặng Thị Loan	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
14	1100041	VMU2005-2021.14			0	Chu Thị Hoài Phương			1-2, D			7-8, D		20/12/2021				K8 TN	2020
15	1100041	VMU2005-2021.15			0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			20/12/2021				K8 TN	2020
16	1100041	VMU2005-2021.16			0	Ngô Quốc Khánh	7-8, D		1-2, D					20/12/2021				K8 TN	2020
17	1100041	VMU2005-2021.17			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				20/12/2021				K8 TN	2020
18	1100041	VMU2005-2021.18			0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K7B TN	2020
19	1100041	VMU2005-2021.19			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				20/12/2021				K8 TN	2020
20	1100041	VMU2005-2021.20			0	Tạ Thị Định			7-8, D		1-2, D			20/12/2021				K8 TN	2020
	1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1													SPAN		
01	1100009	*VMU2018-2021.01			0	Vũ Thị Tươi						3-4, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
02	1100009	*VMU2018-2021.02			0	Nguyễn Thị Huyền						3-4, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
03	1100009	*VMU2018-2021.03			0	Đặng Thị Lan						9-10, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
04	1100009	*VMU2018-2021.04			0	Vũ Thanh Thùy						9-10, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
05	1100009	*VMU2018-2021.05			0	Lê Huy Hoàng						9-10, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
06	1100009	*VMU2018-2021.06			0	Hoàng Quốc Tuấn						3-4, D		10/01/2022				K13 SPAN CD	2021
07	1100009	*VMU2018-2021.07			0	Nguyễn Thúy Hà		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
08	1100009	*VMU2018-2021.08			0	Hà Thị Lý	1-2, D							20/12/2021				K14B SPAN	2019
09	1100009	*VMU2018-2021.09			0	Nguyễn Phương Thảo	1-2, D							20/12/2021				K14A SPAN	2019
10	1100009	*VMU2018-2021.10			0	Trần Thị Thảo	1-2, D							20/12/2021				K13A SPAN	2019
11	1100009	*VMU2018-2021.11			0	Vũ Thanh Thùy	1-2, D							20/12/2021				K14A SPAN	2019
12	1100009	*VMU2018-2021.12			0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D							20/12/2021				K14B SPAN	2019
13	1100009	*VMU2018-2021.13			0	Nguyễn Thu Hằng		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
14	1100009	*VMU2018-2021.14			0	Đào Thị Khánh Chi		1-2, D						20/12/2021				K13D SPAN	2019
15	1100009	*VMU2018-2021.15			0	Nguyễn Chí Công		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
16	1100009	*VMU2018-2021.16			0	Trần Thị Thảo		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
17	1100009	*VMU2018-2021.17			0	Đào Tiến Lợi		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
18	1100009	*VMU2018-2021.18			0	Ngân Thị Thương		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
19	1100009	*VMU2018-2021.19			0	Vũ Thị Tươi		1-2, D						20/12/2021				K14A SPAN	2019
20	1100009	*VMU2018-2021.20			0	Phạm Thị Thu Trang		1-2, D						20/12/2021				K12D_SPAN	2019
21	1100009	*VMU2018-2021.21			0	Nguyễn Thanh Duyên		1-2, D						20/12/2021				K14B SPAN	2019
22	1100009	*VMU2018-2021.22			0	Trần Thị Thảo							1-2, NC	20/12/2021				K14B SPAN	2019
	1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1													TN		
01	1100056	VMU2006-2021.01			0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					20/12/2021				K7A TN	2019
02	1100056	VMU2006-2021.02			0	Đỗ Hương Giang	12-12, D		12-12, D					20/12/2021				K7B TN	2019
03	1100056	VMU2006-2021.03			0	Đặng Thị Loan			7-8, D		7-8, D			20/12/2021				K7A TN	2019
04	1100056	VMU2006-2021.04			0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				20/12/2021				K7A TN	2019
05	1100056	VMU2006-2021.05			0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		20/12/2021				K7B TN	2019
06	1100056	VMU2006-2021.06			0	Chu Thị Hoài Phương			7-8, D			1-2, D		20/12/2021				K7A TN	2019
07	1100056	VMU2006-2021.07			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				20/12/2021				K7A TN	2019
08	1100056	VMU2006-2021.08			0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					20/12/2021				K7A TN	2019
09	1100056	VMU2006-2021.09			0	Nguyễn Thị Nga			1-2, D		1-2, D			20/12/2021				K7A TN	2019
10	1100056	VMU2006-2021.10			0	Lê Minh Tuyền	1-2, D		7-8, D					20/12/2021				K7A TN	2019
11	1100056	VMU2006-2021.11			0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D					7-8, D		20/12/2021				K7A TN	2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
12	1100056	VMU2006-2021.12			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D				7-8, D			20/12/2021				K7B TN	2019
13	1100056	VMU2006-2021.13			0	Trịnh Thị Oanh		1-2, D			7-8, D			20/12/2021				K7A TN	2019
14	1100056	VMU2006-2021.14			0	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		7-8, D			20/12/2021				K7B TN	2019
15	1100056	VMU2006-2021.15			0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			20/12/2021				K7A TN	2019
16	1100056	VMU2006-2021.16			0	Đào Tiến Lợi		1-2, D			1-2, D			20/12/2021				K7B TN	2019
17	1100056	VMU2006-2021.17			0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D				1-2, D			20/12/2021				K5B_TN	2019
18	1100056	VMU2006-2021.18			0	Ngô Quốc Khánh	7-8, D		1-2, D					20/12/2021				K6A TN	2019
19	1100056	VMU2006-2021.19			0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			20/12/2021				K7A TN	2019
	1100089	Thanh nhạc 4.2	VMU2007	1													TN		
01	1100089	VMU2007-2021.01			0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					20/12/2021				K6A TN	2018
02	1100089	VMU2007-2021.02			0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		1-2, D					20/12/2021				K6A TN	2018
03	1100089	VMU2007-2021.03			0	Đặng Thị Loan	1-2, D			1-2, D				20/12/2021				K5B_TN	2018
04	1100089	VMU2007-2021.04			0	Chu Thị Hoài Phương			7-8, D			1-2, D		20/12/2021				K6A TN	2018
05	1100089	VMU2007-2021.05			0	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			20/12/2021					2018
06	1100089	VMU2007-2021.06			0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					20/12/2021				K5B_TN	2018
07	1100089	VMU2007-2021.07			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D				7-8, D			20/12/2021				K4A_TN	2018
08	1100089	VMU2007-2021.08			0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					20/12/2021				K6A TN	2018
09	1100089	VMU2007-2021.09			0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		6-6, D			20/12/2021				K6B TN	2018
10	1100089	VMU2007-2021.10			0	Tạ Thị Định			7-8, D		1-2, D			20/12/2021				K6A TN	2018
11	1100089	VMU2007-2021.11			0	Nguyễn Thị Nga	1-2, D				1-2, D			20/12/2021				K6A TN	2018
12	1100089	VMU2007-2021.12			0	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D				20/12/2021				K6A TN	2018
13	1100089	VMU2007-2021.13			0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		20/12/2021				K6B TN	2018
14	1100089	VMU2007-2021.14			0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D		1-2, D					20/12/2021				K6A TN	2018
15	1100089	VMU2007-2021.15			0	Hà Thị Lý	7-8, D			7-8, D				20/12/2021				K6B TN	2018
16	1100089	VMU2007-2021.16			0	Hoàng Quốc Tuấn	6-6, D			6-6, D				20/12/2021				K4B_TN	2018
	1020054	Thiết bị may	DGI2016	2	20														
01	1020054	DGI2016-2021.01			20	Nguyễn Kiều Oanh							1-5, E	21/03/2022	15/05/2022			K5_CNM	2021
	1170035	Thiết kế bộ ấn phẩm văn hóa và xuất bản phẩm	GRD2032	2	129												5_TKDH_M4_TC		
01	1170035	GRD2032-2021.01			15	Nguyễn Văn Hiến	1-4, E602		1-4, E602					20/12/2021	20/02/2022			K9B_TKĐH	2018
02	1170035	GRD2032-2021.02			14	Nguyễn Quang Huy	1-4, E602		1-4, E602					20/12/2021	20/02/2022			K9B_TKĐH	2018
03	1170035	GRD2032-2021.03			14	Vũ Minh Hoàng	1-4, E602		1-4, E602					20/12/2021	20/02/2022			K10A TKĐH	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
04	1170035	GRD2032-2021.04			14	Nguyễn Đức Lâm	7-10, E602		7-10, E602					20/12/2021	20/02/2022			K10A TKĐH	2018
05	1170035	GRD2032-2021.05			15	Nguyễn Trần Thế Hiệp	7-10, E602		7-10, E602					20/12/2021	20/02/2022			K10A TKĐH	2018
06	1170035	GRD2032-2021.06			14	Nguyễn Văn Hiến	7-10, E602		7-10, E602					20/12/2021	20/02/2022			K10A TKĐH	2018
07	1170035	GRD2032-2021.07			14	Phạm Phương Linh				1-4, E605		1-4, E605		20/12/2021	20/02/2022			K9C_TKĐH	2018
08	1170035	GRD2032-2021.08			15	Nguyễn Thị Hải Yến				1-4, E605		1-4, E605		20/12/2021	20/02/2022			K9A_TKĐH	2018
09	1170035	GRD2032-2021.09			14	Lò Mai Trang				1-4, E605		1-4, E605		20/12/2021	20/02/2022			K9B_TKĐH	2018
	1170037	Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa	GRD2034	2	129												Thiết kế quảng cáo sự kiện 1 Văn hóa		
01	1170037	GRD2034-2021.01			15	Nguyễn Văn Hiến	1-4, E602		1-4, E602					21/02/2022	10/04/2022			K9B_TKĐH	2018
02	1170037	GRD2034-2021.02			14	Vũ Minh Hoàng	1-4, E602		1-4, E602					21/02/2022	10/04/2022			K10A TKĐH	2018
03	1170037	GRD2034-2021.03			14	Lê Huy Thục	1-4, E602		1-4, E602					21/02/2022	10/04/2022			K10A TKĐH	2018
04	1170037	GRD2034-2021.04			15	Phạm Phương Linh				1-4, E602		1-4, E602		21/02/2022	10/04/2022			K9B_TKĐH	2018
05	1170037	GRD2034-2021.05			14	Nguyễn Quang Huy				1-4, E602		1-4, E602		21/02/2022	10/04/2022			K10A TKĐH	2018
06	1170037	GRD2034-2021.06			14	Nguyễn Thị Hải Yến				1-4, E602		1-4, E602		21/02/2022	10/04/2022			K9A_TKĐH	2018
07	1170037	GRD2034-2021.07			15	Lò Mai Trang	7-10, E602		7-10, E602					21/02/2022	10/04/2022			K10A TKĐH	2018
08	1170037	GRD2034-2021.08			14	Nguyễn Đức Lâm	7-10, E602		7-10, E602					21/02/2022	10/04/2022			K10A TKĐH	2018
09	1170037	GRD2034-2021.09			14	Nguyễn Văn Hiến	7-10, E602		7-10, E602					21/02/2022	10/04/2022			K10A TKĐH	2018
	1170052	Thiết kế sân khấu	GRD2044	2	30														
01	1170052	GRD2044-2021.01			30	Nguyễn Văn Hiến					1-5, C21			20/12/2021	27/02/2022	K5 DVK		K3 DVK	2019
	1020012	Thiết kế trên Manocanh	FAD2018	2	45														
01	1020012	FAD2018-2021.01			15	Lưu Ngọc Lan				7-11, E				07/03/2022	29/05/2022			K12 TKTT	2019
02	1020012	FAD2018-2021.02			15	Vũ Mai Hiền				7-11, E				07/03/2022	29/05/2022			K13 TKTT	2019
03	1020012	FAD2018-2021.03			15	Nguyễn Huyền Trang				7-11, E				07/03/2022	29/05/2022			K12 TKTT	2019
	1070149	Thực hành âm nhạc tổng hợp	MUS2072	4	10												ANMN K5		
01	1070149	MUS2072-2021.01			10							7-11, HPTN							2018
	1070071	Thực hành Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2069	4	200												2018		
01	1070071	MUS2069-2021.01			200							7-11, HPTN							2018
	1020022	Thực hành công nghệ may 1	FAD2011	3	112														
01	1020022	FAD2011-2021.01			14	Nguyễn Kiều Oanh				1-5, E				07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
02	1020022	FAD2011-2021.02			14	Ngô Thị Thủy Thu				1-5, E				07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
03	1020022	FAD2011-2021.03			14	Vũ Mai Hiền				1-5, E				07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
04	1020022	FAD2011-2021.04			14	Nguyễn Kiều Oanh					1-5, E			07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
05	1020022	FAD2011-2021.05			14	Vũ Mai Hiền					1-5, E			07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1020022	FAD2011-2021.06			14	Ngô Thị Thùy Thu					1-5, E			07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
07	1020022	FAD2011-2021.07			14	Ngô Thị Thùy Thu						1-5, E		07/03/2022	08/05/2022			K13 TKTT	2021
08	1020022	FAD2011-2021.08			14	Nguyễn Kiều Oanh						1-5, E		07/03/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
	1200024	Thực hành công nghệ may 3	DGI2024	3	20														
01	1200024	DGI2024-2021.01			20	Nguyễn Kiều Oanh	7-11, E							21/02/2022	29/05/2022			K3 CNM	2020
	1080239	Thực hành công tác xã hội cá nhân	CLM2218	3	25												CTXH		
01	1080239	CLM2218-2021.01			25	Nguyễn Thị Phương Thanh		1-5, E505										K1 CTXH	2020
	1080210	Thực hành nghệ thuật trong du lịch (Âm nhạc)	CLM2134	3	40												DL		
01	1080210	CLM2134-2021.01			20	Nguyễn Đức Hoàng		1-5, E307				1-5, E503		20/12/2021	17/04/2022			K1 Du lịch	2020
02	1080210	CLM2134-2021.02			20	Chu Thị Hoài Phương		7-11, C409					1-5, E502	20/12/2021	17/04/2022			K1 Du lịch	2020
	1020046	Thực hành sản xuất	DG2055	4	20												2020CNM		
01	1020046	DG2055-2021.01			20	Ngô Thị Thùy Thu							1-5, Nha may					K4_CNM	2020
	1200029	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 2	DGI2029	2	20														
01	1200029	DGI2029-2021.01			20	Nguyễn Kiều Oanh	1-5, E							27/12/2021	20/03/2022			K4_CNM	2020
	1080047	Thực tập giữa khóa	CLM2048	3	50												6_QLVH_M5		
01	1080047	CLM2048-2021.01			50	Vũ Thị Thái Hoa							1-5, TTGK	23/05/2022				K12 QLVH	2019
	1190038	Thực tập nghề nghiệp 1	PIA2028	3	30												2019		
01	1190038	PIA2028-2021.01			30	Nghiêm Thị Hà Ngân							1-5, TTNN1	12/05/2022				K5 Piano	2019
	1100054	Thực tập nghề nghiệp 1	VMU2014	6	60												6_TN_M5		
01	1100054	VMU2014-2021.01			60	Đỗ Hương Giang							1-5, TTNN1					K6A TN	2019
	1060074	Thực tập sư phạm 1	FAE2021	2	50												5*FAE2021		
01	1060074	FAE2021-2021.01			50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP1	07/03/2022	27/03/2022	K15 MT		K13 SPMT	2020
	1070121	Thực tập sư phạm 1	MUS2046	2	300												ĐH SP		
01	1070121	MUS2046-2021.01			300	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	07/03/2022				K13A SPAN	2020
	1080048	Thực tập tốt nghiệp	CLM2049	3	50												8_QLVH_M5		
01	1080048	CLM2049-2021.01			50	Tráng Thị Thuý							7-11, TTGK	07/02/2022				K11 QLVH	2018
	1170043	Thực tế chuyên môn 2	GRD2038	2	150												6_TKDH_M5		
01	1170043	GRD2038-2021.01			50	Nguyễn Đức Lân							1-5, Lop A	16/05/2022				K10B TKĐH	2019
02	1170043	GRD2038-2021.02			50	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, Lop B	16/05/2022				K9B_TKĐH	2019
03	1170043	GRD2038-2021.03			50	Nguyễn Quang Huy							1-5, Lop C	16/05/2022				K10B TKĐH	2019
	1170044	Thực tế chuyên môn 3	GRD2039	3	141												8_TKDH_M5		
02	1170044	GRD2039-2021.02			47	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM3	16/05/2022		K10 TKDH		K10A TKĐH	2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
03	1170044	GRD2039-2021.03			47	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM3	16/05/2022		K10 TKDH		K9A_TKDH	2018
04	1170044	GRD2039-2021.04			47	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM3	16/05/2022		K10 TKDH		K10A TKĐH	2018
	1060050	Thực tế CM 1	FAE2040	3	20												FAE2040		
01	1060050	FAE2040-2021.01			10	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1			K8 HH		K7_HH	2021
02	1060050	FAE2040-2021.02			10														2021
	1060060	Thực tế CM 2	FAE2042	3	10												FAE2041		
01	1060060	FAE2042-2021.01			10	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM2	23/05/2022		K7 HH		K7_HH	2020
	1060061	Thực tế CM 3	FAE2043	3	50												FAE2042		
01	1060061	FAE2043-2021.01			50	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM3	16/05/2022		K14 SPMT		K6 HH	2019
	1060062	Thực tế CM 4	FAE2044	3	5												FAE2043		
01	1060062	FAE2044-2021.01			5	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	16/05/2022		K5 HH		K5 HH	2018
	1040003	Tiếng Anh 2	CFL2002	3	1300												2* A2 chung		
01	1040003	CFL2002-2021.01			50	Ngô Thị Hòa	1-5, E405							10/01/2022	10/04/2022			K16F_SPAN	2021
02	1040003	CFL2002-2021.02			50	Lê Thị Hiền		1-5, E405						10/01/2022	10/04/2022			K15C_SPAN	2021
03	1040003	CFL2002-2021.03			50	Lê Thị Hiền			1-5, E403					10/01/2022	10/04/2022			K2 Du lịch	2021
04	1040003	CFL2002-2021.04			50	Lê Thị Hiền					1-5, E403			10/01/2022	10/04/2022			K6 DVK	2021
05	1040003	CFL2002-2021.05			50	Phạm Thị Ngọc Bích					1-5, E405			10/01/2022	10/04/2022			K15F_SPAN	2021
06	1040003	CFL2002-2021.06			50	Nguyễn Thị Ân				7-11, E101				10/01/2022	10/04/2022			K13 TKTT	2021
07	1040003	CFL2002-2021.07			50	Phạm Thị Lý					7-11, E101			10/01/2022	10/04/2022			K13D SPAN	2021
08	1040003	CFL2002-2021.08			50	Hoàng Thị Thu Hằng				7-11, E403				10/01/2022	10/04/2022			K14D SPAN	2021
09	1040003	CFL2002-2021.09			50	Trương Tổ Loan						7-11, E405		10/01/2022	10/04/2022			K10QLVH	2021
10	1040003	CFL2002-2021.10			50	Nguyễn Thị Ân						7-11, E505		10/01/2022	10/04/2022			K16A_SPMT	2021
11	1040003	CFL2002-2021.11			50	Phạm Thị Lý	7-11, E405							10/01/2022	10/04/2022			K5_CNM	2021
12	1040003	CFL2002-2021.12			50	Nguyễn Thị Ân			7-11, E101					10/01/2022	10/04/2022			K15C_SPAN	2021
13	1040003	CFL2002-2021.13			50	Phạm Thị Lý			7-11, E403					10/01/2022	10/04/2022			K15A_TKTT	2021
14	1040003	CFL2002-2021.14			50	Trương Tổ Loan		7-11, E405						10/01/2022	10/04/2022			K5 HH	2021
15	1040003	CFL2002-2021.15			50	Phạm Thị Ngọc Bích	7-11, E403							10/01/2022	10/04/2022			K12 TKTT	2021
16	1040003	CFL2002-2021.16			50	Hoàng Thị Thu Hằng				1-5, E403				10/01/2022	10/04/2022			K7_HH	2021
17	1040003	CFL2002-2021.17			50	Nguyễn Thanh Dung		7-11, E403						10/01/2022	10/04/2022			K14D SPAN	2021
18	1040003	CFL2002-2021.18			50	Trương Tổ Loan						1-5, E405		10/01/2022	10/04/2022			K14_TKTT	2021
19	1040003	CFL2002-2021.19			50	Nguyễn Thanh Dung					7-11, E403			10/01/2022	10/04/2022			K15G_SPAN	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
20	1040003	CFL2002-2021.20			50	Hoàng Thị Thu Hằng						1-5, E403		10/01/2022	10/04/2022			K12_B_TKDH	2021
21	1040003	CFL2002-2021.21			50	Hoàng Thị Thu Hằng	1-5, E101							10/01/2022	10/04/2022			K8 TN	2021
22	1040003	CFL2002-2021.22			50	Nguyễn Thanh Dung	1-5, E403							10/01/2022	10/04/2022			K12_D_TKDH	2021
23	1040003	CFL2002-2021.23			50	Trương Tổ Loan		1-5, E403						10/01/2022	10/04/2022			K13 QLVH	2021
24	1040003	CFL2002-2021.24			50	Phạm Thị Lý						7-11, E403		10/01/2022	10/04/2022			K16A_SPAN	2021
25	1040003	CFL2002-2021.25			50	Ngô Thị Hòa						1-5, E505		10/01/2022	10/04/2022			K14_TKTT	2021
26	1040003	CFL2002-2021.26			50	Phạm Thị Ngọc Bích						1-5, E506		10/01/2022	10/04/2022			K12 TKTT	2021
	1040015	Tiếng Anh chuyên ngành (DVK)	CFL2010	2	35												3* DVK		
01	1040015	CFL2010-2021.01			35	Hoàng Thị Thu Hằng	7-11, E101							20/12/2021	13/02/2022			K4 DVK-DA	2020
	1040004	Tiếng Anh chuyên ngành (MT)	CFL2003	2	50												MT3		
01	1040004	CFL2003-2021.01			50	Nguyễn Thanh Dung				1-5, E405				20/12/2021	13/02/2022			K13 SPMT	2020
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	30												3* TKTT		
02	1040009	CFL2006-2021.02			30	Nguyễn Thị Ân					7-11, E405			20/12/2021	13/02/2022			K12 TKTT	2019
	1020035	Tin học chuyên ngành	FAD2056	2	56														
01	1020035	FAD2056-2021.01			14	Nguyễn Hoàng Tùng			1-5, E402					27/12/2021	20/03/2022			K14_TKTT	2020
02	1020035	FAD2056-2021.02			14	Hoàng Thắng			1-5, E402					27/12/2021	20/03/2022			K12 TKTT	2020
03	1020035	FAD2056-2021.03			14														2020
04	1020035	FAD2056-2021.04			14	Hoàng Thắng				7-11, E402				27/12/2021	20/03/2022			K12 TKTT	2020
	1080002	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2	50												6_QLVH_M1		
01	1080002	CLM2005-2021.01			50	Lương Minh Tân					1-5, E402			20/12/2021	27/03/2022			K11 QLVH	2019
	1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	280												MUS2001		
02	1070033	MUS2001-2021.02			35	Lương Minh Tân		1-5, E402						20/12/2021	27/02/2022			K13D SPAN	2020
03	1070033	MUS2001-2021.03			35	Trần Vương Thanh		7-11, E401						20/12/2021	27/02/2022			K14A SPAN	2020
04	1070033	MUS2001-2021.04			35	Nguyễn Khải			1-5, E401					20/12/2021	27/02/2022			K13D SPAN	2020
05	1070033	MUS2001-2021.05			35	Nguyễn Khải			7-11, E402					20/12/2021	27/02/2022			K13C SPAN	2020
06	1070033	MUS2001-2021.06			35	Bá Sấn				1-5, E402				20/12/2021	27/02/2022			K13D SPAN	2020
07	1070033	MUS2001-2021.07			35	Lương Minh Tân					13-17, E402			20/12/2021	27/02/2022	Huy		K15D_SPAN	2020
08	1070033	MUS2001-2021.08			35	Nguyễn Khải					7-11, E402			20/12/2021	27/02/2022			K14A SPAN	2020
09	1070033	MUS2001-2021.09			35	Lương Minh Tân						1-5, E402		20/12/2021	27/02/2022			K15A_SPAN	2020
	1170058	Tin học chuyên ngành 1	GRD2050	3	187												2017		
01	1170058	GRD2050-2021.01			14	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					20/12/2021	20/02/2022			K11 B TKDH	2020
02	1170058	GRD2050-2021.02			13		1-4, E406		1-4, E406					20/12/2021	20/02/2022				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1170058	GRD2050-2021.03			13	Nguyễn Xuân Giáp	1-4, E406		1-4, E406					20/12/2021	20/02/2022			K11 A TKDH	2020
04	1170058	GRD2050-2021.04			14	Lê Huy Thục	7-10, E406		7-10, E406					20/12/2021	20/02/2022			K10B TKĐH	2020
05	1170058	GRD2050-2021.05			13	Nguyễn Xuân Giáp	7-10, E406		7-10, E406					20/12/2021	20/02/2022			K11 C TKDH	2020
06	1170058	GRD2050-2021.06			13	Nguyễn Thanh Huyền	7-10, E406		7-10, E406					20/12/2021	20/02/2022			K12_A_TKDH	2020
07	1170058	GRD2050-2021.07			13	Lê Huy Thục				1-4, E406		1-4, E406		20/12/2021	20/02/2022			K12_A_TKDH	2020
08	1170058	GRD2050-2021.08			14	Nguyễn Xuân Giáp				1-4, E406		1-4, E406		20/12/2021	20/02/2022			K9B_TKĐH	2020
09	1170058	GRD2050-2021.09			13	Nguyễn Thanh Huyền				1-4, E406		1-4, E406		20/12/2021	20/02/2022			K11 A TKDH	2020
10	1170058	GRD2050-2021.10			13					1-4, E406		1-4, E406		20/12/2021	20/02/2022				2020
11	1170058	GRD2050-2021.11			14	Nguyễn Duy Hùng				7-10, E406		7-10, E406		20/12/2021	20/02/2022			K11 A TKDH	2020
12	1170058	GRD2050-2021.12			14	Tổng Việt Anh				7-10, E406		7-10, E406		20/12/2021	20/02/2022			K12_A_TKDH	2020
13	1170058	GRD2050-2021.13			13	Nguyễn Thanh Huyền				7-10, E406		7-10, E406		20/12/2021	20/02/2022			K12_A_TKDH	2020
14	1170058	GRD2050-2021.14			13	Lê Huy Thục				7-10, E406		7-10, E406		20/12/2021	20/02/2022			K10A TKĐH	2020
	1200027	Tin học chuyên ngành 2	DGI2027	2	20														
01	1200027	DGI2027-2021.01			20	Đỗ Thu Huyền		7-11, E402						27/12/2021	20/03/2022			K3 CNM	2020
	1170059	Tin học chuyên ngành 3	GRD2051	3	135												2017		
01	1170059	GRD2051-2021.01			15	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E406						20/12/2021	17/04/2022			K10A TKĐH	2019
02	1170059	GRD2051-2021.02			15	Tổng Việt Anh		1-4, E406						20/12/2021	17/04/2022			K10B TKĐH	2019
03	1170059	GRD2051-2021.03			15	Nguyễn Xuân Giáp		1-4, E406						20/12/2021	17/04/2022			K10C TKĐH	2019
04	1170059	GRD2051-2021.04			15	Lê Huy Thục		7-10, E406						20/12/2021	17/04/2022			K11 A TKDH	2019
05	1170059	GRD2051-2021.05			15	Nguyễn Duy Hùng		7-10, E406						20/12/2021	17/04/2022			K9A_TKĐH	2019
06	1170059	GRD2051-2021.06			15	Nguyễn Thanh Huyền		7-10, E406						20/12/2021	17/04/2022			K9A_TKĐH	2019
07	1170059	GRD2051-2021.07			15	Nguyễn Duy Hùng					1-4, E406			20/12/2021	17/04/2022			K11 A TKDH	2019
08	1170059	GRD2051-2021.08			15	Tổng Việt Anh					1-4, E406			20/12/2021	17/04/2022			K11 A TKDH	2019
09	1170059	GRD2051-2021.09			15	Nguyễn Xuân Giáp					1-4, E406			20/12/2021	17/04/2022			K10C TKĐH	2019
	1170027	Tin học chuyên ngành 3	GRD2022	3	1												6_TKDH_M4		
01	1170027	GRD2022-2021.01			1	Lê Huy Thục		7-10, E406						20/12/2021	17/04/2022			K8B_TKĐH	2017
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	70												1* 1_m.chung_M1		
13	1040002	INF2001-2021.13			35	Vũ Việt Hoàng, Bùi Ngọc Hưng		1-5, E401						20/12/2021	27/02/2022			K7_HH	2019
14	1040002	INF2001-2021.14			35	Vũ Việt Hoàng					7-11, E401			20/12/2021	27/02/2022			K13B SPAN	2019
	1080178	Tin ngưỡng và Tôn giáo ở Việt Nam	CLM2102	2	50												DL		
01	1080178	CLM2102-2021.01			50	Dương Thị Thu Hà				1-5, E502				20/12/2021	27/03/2022			K1 Du lịch	2020
	1080178	Tổ chức hướng dẫn du lịch 2	CLM2122	3	50												DL		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
01	1080198	CLM2122-2021.01			50	Nguyễn Thị Ngà					1-5, E503			20/12/2021	27/03/2022			K1 Du lịch	2020
	1200035	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	DGI2035	2	20														
01	1200035	DGI2035-2021.01			20	Nguyễn Kiều Oanh		1-5, E						27/12/2021	06/03/2022			K1_CNM	2019
	1070056	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	MUS2084	2	140												2019		
05	1070056	MUS2084-2021.05			35	Đoàn Thị Thu Hà	7-11, D1							20/12/2021	17/04/2022			K13D SPAN	2019
06	1070056	MUS2084-2021.06			35	Nguyễn Thị Lệ Huyền		13-17, D3						20/12/2021	17/04/2022	Chuyen toi		K13B SPAN	2019
08	1070056	MUS2084-2021.08			35	Nguyễn Thị Lệ Huyền			1-5, D1					20/12/2021	17/04/2022			K14A SPAN	2019
09	1070056	MUS2084-2021.09			35	Đoàn Thị Thu Hà					1-5, D1			20/12/2021	17/04/2022			K14A SPAN	2019
	1060103	Trải nghiệm hoạt động Mỹ thuật	FAE2097	2	150												2019		
02	1060103	FAE2097-2021.02			50	Đào Thị Thuý Anh						1-5, LT80-119	1-5, LT80-119			K12 LT		K12 CDLT_SPMT ngoại trương	2020
03	1060103	FAE2097-2021.03			50	Đào Thị Thuý Anh						1-5, LT80-119	1-5, LT80-119			Moi mo			2020
04	1060103	FAE2097-2021.04			50	Đào Thị Thuý Anh						1-5, LT80-119	1-5, LT80-119			Moi mo			2020
	1020027	Trang trí chuyên ngành 1	FAD2022	2	56														
01	1020027	FAD2022-2021.01			14	Vũ Thanh Nghị	9-10, B	9-10, B						27/12/2021	17/04/2022	Hoc xen ke		K14_TKTT	2020
02	1020027	FAD2022-2021.02			14	Lê Thị Lan	9-10, B	9-10, B						27/12/2021	17/04/2022	Hoc xen ke		K12 TKTT	2020
03	1020027	FAD2022-2021.03			14	Lê Mai Trinh				3-4, B	3-4, B			27/12/2021	17/04/2022	Hoc xen ke		K12 TKTT	2020
04	1020027	FAD2022-2021.04			14	Ngô Thị Thu Hà				3-4, B	3-4, B			27/12/2021	17/04/2022	Hoc xen ke		K12 TKTT	2020
	1020039	Trang trí cơ bản 2	FAD2055	2	64														
01	1020039	FAD2055-2021.01			0	Lê Mai Trinh	1-5, A	1-5, A						17/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
02	1020039	FAD2055-2021.02			0	Ngô Thị Thu Hà	1-5, A	1-5, A						17/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
03	1020039	FAD2055-2021.03			0	Lê Thị Lan	1-5, A	1-5, A						17/01/2022	08/05/2022			K15A_TKTT	2021
04	1020039	FAD2055-2021.04			0	Bùi Thị Nam	1-5, A	1-5, A						17/01/2022	08/05/2022			K12 TKTT	2021
05	1020039	FAD2055-2021.05			16	Trương Tuấn Anh				7-11, A	7-11, A			17/01/2022	08/05/2022	Cho khoa cu DK		K15B_TKTT	2021
06	1020039	FAD2055-2021.06			16	Ngô Thị Thu Hà				7-11, A	7-11, A			17/01/2022	08/05/2022	Cho khoa cu DK		K15B_TKTT	2021
07	1020039	FAD2055-2021.07			16	Ngô Văn Sơn				7-11, A	7-11, A			17/01/2022	08/05/2022	Cho khoa cu DK		K15B_TKTT	2021
08	1020039	FAD2055-2021.08			16	Vũ Thanh Nghị				7-11, A	7-11, A			17/01/2022	08/05/2022	Cho khoa cu DK		K15B_TKTT	2021
	1060039	Trang trí cơ bản 2	FAE2052	2	198												2_SPMT_M4		
01	1060039	FAE2052-2021.01			18	Tạ Đình Thi	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K8_HH	2021
02	1060039	FAE2052-2021.02			18	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
03	1060039	FAE2052-2021.03			18	Chu Thị Hương Thu	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
04	1060039	FAE2052-2021.04			18	Lưu Thị Hồng Diễm	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K15_SPMT	2021

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khó a học
05	1060039	FAE2052-2021.05			18	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
06	1060039	FAE2052-2021.06			18	Nguyễn Tuấn Cường	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
07	1060039	FAE2052-2021.07			18	Nguyễn Thị Huyền	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K15_SPMT	2021
08	1060039	FAE2052-2021.08			18	Chu Thị Hương Thu	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16B_SPMT	2021
09	1060039	FAE2052-2021.09			18	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K15_SPMT	2021
10	1060039	FAE2052-2021.10			18	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16B_SPMT	2021
11	1060039	FAE2052-2021.11			18	Nguyễn Quang Huy				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/01/2022	20/03/2022	K16 SPMT		K16A_SPMT	2021
	1130003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	726												3* 3_mon_chung_M1		
01	1130003	POL2003-2021.01			72	Phạm Ngọc Anh	1-5, E301							20/12/2021	27/02/2022			K12 TKTT	2020
02	1130003	POL2003-2021.02			72	Phạm Ngọc Anh		1-5, E301						20/12/2021	27/02/2022			K14_TKTT	2020
03	1130003	POL2003-2021.03			72	Mai Thanh Hồng			1-5, E301					20/12/2021	27/02/2022			K14_TKTT	2020
04	1130003	POL2003-2021.04			72	Mai Thanh Hồng			7-11, E301					20/12/2021	27/02/2022			K13 TKTT	2020
05	1130003	POL2003-2021.05			73	Mai Thanh Hồng				1-5, E301				20/12/2021	27/02/2022			K13 SPMT	2020
06	1130003	POL2003-2021.06			73	Mai Thanh Hồng				7-11, E301				20/12/2021	27/02/2022			K14_TKTT	2020
07	1130003	POL2003-2021.07			73	Mai Thanh Hồng					1-5, E507			20/12/2021	27/02/2022			K13 TKTT	2020
08	1130003	POL2003-2021.08			73	Mai Thanh Hồng					7-11, E301			20/12/2021	27/02/2022			K13 TKTT	2020
09	1130003	POL2003-2021.09			73	Mai Thanh Hồng						1-5, E301		20/12/2021	27/02/2022			K13 TKTT	2020
10	1130003	POL2003-2021.10			73	Mai Thanh Hồng						7-11, E507		20/12/2021	27/02/2022			K13 TKTT	2020
	1080029	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	CLM2030	2	70												2_QLVH_M4		
01	1080029	CLM2030-2021.01			70	Nguyễn Thị Phương Thanh				7-11, E501				20/12/2021	10/04/2022			K11 QLVH	2020
	1080244	Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	CLM2223	4	30												CTXH		
01	1080244	CLM2223-2021.01			30	Nguyễn Thị Phương Thanh		7-11, E505						10/01/2022	17/04/2022			K2 CTXH	2021
	1080200	Văn hóa ẩm thực	CLM2124	2	70												DL		
01	1080200	CLM2124-2021.01			70	Nguyễn Thị Thùy Linh				7-11, E502				10/01/2022	17/04/2022			K2 Du lịch	2021
	1080019	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2	70												4_QLVH_M3_TC		
01	1080019	CLM2016-2021.01			70	Tráng Thị Thuý			7-11, E505					20/12/2021	10/04/2022			K11 QLVH	2020
	1170017	Vật liệu và công nghệ in	GRD2012	2	138												8_TKDH_M3_TC		
01	1170017	GRD2012-2021.01			46	Nguyễn Thành Sơn		1-5, E601						07/03/2022	17/04/2022			K10A TKĐH	2018
02	1170017	GRD2012-2021.02			46	Nguyễn Hồng Sơn		7-11, E601						07/03/2022	17/04/2022			K10A TKĐH	2018
03	1170017	GRD2012-2021.03			46	Nguyễn Hồng Sơn			7-11, E603					07/03/2022	17/04/2022			K9A_TKĐH	2018
	1020019	Vẽ kỹ thuật	FAD2001	2	56														
01	1020019	FAD2001-2021.01			14	Lưu Ngọc Lan				1-5, E				27/12/2021	13/03/2022			K14_TKTT	2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1020019	FAD2001-2021.02			14														2020
03	1020019	FAD2001-2021.03			14	Lưu Ngọc Lan			7-11, E					27/12/2021	13/03/2022			K12 TKTT	2020
04	1020019	FAD2001-2021.04			14	Vũ Mai Hiên			7-11, E					27/12/2021	13/03/2022			K13 TKTT	2020
	1170063	Vẽ kỹ thuật - đặc biệt kiến trúc	GRD2002**	2	163														
01	1170063	GRD2002**-2021.01			14	Nguyễn Hồng Sơn		1-4, E601						14/03/2022	24/04/2022			K10B TKĐH	2020
02	1170063	GRD2002**-2021.02			14	Ng.Duy Quốc Tuấn		1-4, E601						14/03/2022	24/04/2022			K9A_TKĐH	2020
03	1170063	GRD2002**-2021.03			13	Vũ Xuân Hiên		1-4, E601						14/03/2022	24/04/2022			K9B_TKĐH	2020
04	1170063	GRD2002**-2021.04			13	Nguyễn Quang Huy		1-4, E601						14/03/2022	24/04/2022			K11 B TKDH	2020
05	1170063	GRD2002**-2021.05			13	Nguyễn Thành Sơn		7-10, E601						14/03/2022	24/04/2022			K9B_TKĐH	2020
06	1170063	GRD2002**-2021.06			14	Quách Thị Ngọc An		7-10, E601						14/03/2022	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
07	1170063	GRD2002**-2021.07			14	Nguyễn Quang Huy		7-10, E601						14/03/2022	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
08	1170063	GRD2002**-2021.08			13	Ng.Duy Quốc Tuấn					1-4, E601			14/03/2022	24/04/2022			K10C TKĐH	2020
09	1170063	GRD2002**-2021.09			14	Nguyễn Thành Sơn					1-4, E601			14/03/2022	24/04/2022			K11 A TKDH	2020
10	1170063	GRD2002**-2021.10			14	Quách Thị Ngọc An					1-4, E601			14/03/2022	24/04/2022			K12_A_TKDH	2020
11	1170063	GRD2002**-2021.11			13	Quách Thị Ngọc An					7-10, E601			14/03/2022	24/04/2022			K10B TKĐH	2020
12	1170063	GRD2002**-2021.12			14	Nguyễn Xuân Giáp					7-10, E601			14/03/2022	24/04/2022			K10A TKĐH	2020

Người lập